

TỔNG QUAN TÂM LÝ HỌC XÃ HỘI

1.1. Hiện tượng của tâm lý xã hội

Tâm lý học là ngành khoa học nghiên cứu hoạt động, tinh thần và tư tưởng của con người (cụ thể đó là những cảm xúc, ý chí và hành động). Tâm lý học cũng chú tâm đến sự ảnh hưởng của hoạt động thể chất, trạng thái tâm lý và các yếu tố bên ngoài lên hành vi và tinh thần của con người.

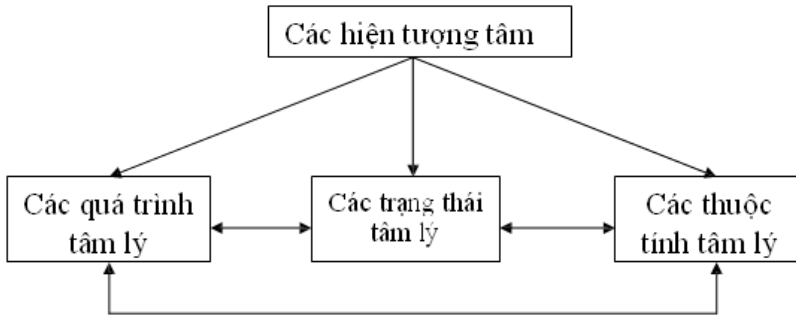
Các loại hiện tượng tâm lý; có nhiều cách phân loại các hiện tượng tâm lý. Cách phân loại phổ biến trong các tài liệu tâm lý học là việc phân loại các hiện tượng tâm lý theo thời gian tồn tại. Theo cách phân loại này, các hiện tượng tâm lý có ba loại chính như sau:

Các quá trình tâm lý là những hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối ngắn, có bắt đầu, diễn biến và kết thúc. Ví dụ: Các quá trình nhận thức như cảm giác, tri giác, tư duy, tưởng tượng; các quá trình giao tiếp...

Các trạng thái tâm lý là các hiện tượng tâm lý diễn ra trong thời gian tương đối dài và đóng vai trò làm nền cho các quá trình tâm lý và các thuộc tính tâm lý biểu hiện ra một cách nhất định. Với các trạng thái tâm lý chúng ta thường chỉ biết đến khi nó đã xuất hiện ở bản thân, tuy nhiên thường không biết được thời điểm bắt đầu và kết thúc của chúng. Ví dụ: Trạng thái tập trung, chú ý, lơ đãng, mệt mỏi, vui, buồn, phấn khởi, chán nản...

Các thuộc tính tâm lý là những hiện tượng tâm lý đã trở nên ổn định, bền vững ở mỗi người tạo nên nét riêng về mặt nội dung của người đó. Thuộc tính tâm lý diễn ra trong thời gian dài và kéo dài rất lâu có khi gắn bó với cả cuộc đời một người. Ví dụ: Tính khí, tính cách, năng lực, quan điểm, niềm tin, lý tưởng, thế giới quan...

Có thể thể hiện mối quan hệ giữa các hiện tượng tâm lý theo sơ đồ sau:



Các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý không hề tách rời nhau mà luôn ảnh hưởng và chi phối lẫn nhau.

Hiện tượng của tâm lý xã hội. Khoa học nào cũng bắt đầu bằng những sự kiện mà ta có thể quan sát được. Khi muốn diễn tả một nét tâm lý đặc trưng nào đó của một dân tộc, người ta thường “nhân cách hóa” dân tộc ấy như một con người. Chúng ta nói: Người Đức kiêu hãnh, người Mỹ thực dụng, người Nhật nhẫn nại, người Nga bộc trực.v.v...

Ta dùng phương thức nhân cách hoá đó khẳng định sự quan sát tinh tế để nhận ra nét đặc trưng có thật trong tính cách của một dân tộc

Ví dụ: Nhật Bản là quốc gia duy nhất ở phương Đông có sự đồng nhất gần như tuyệt đối về dân tộc và ngôn ngữ: một dân tộc, một ngôn ngữ. Nó là một trong những nhân tố quan trọng bậc nhất tạo ra sức mạnh đoàn kết và tinh thần dân tộc Nhật Bản.

Người Nhật hầu như không khoe khoang, không tỏ ra hơn người. Trong mọi hành vi ứng xử, với họ, cách ứng xử tốt nhất là hòa lẫn với mọi người, không được tỏ ra sắc sảo hơn, giàu có hơn, ăn diện hơn. Cách ứng xử như vậy đã làm giảm những căng thẳng không cần thiết và góp phần hạn chế sự ghen ghét và tính đố kị của con người.

Người Nhật thường dè dặt, khép kín. Chính vì đặc tính này mà "những bí mật" của tập đoàn và của bản thân được bảo vệ, thông tin ít bị "rò rỉ" ra bên ngoài. Người Nhật biết tránh mọi va chạm và tranh cãi. Thậm chí khi bị hiểu sai, người Nhật cũng không giải thích, phân bua, người Nhật được xem là người khiêm tốn nhưng cũng đồng thời luôn là một "ẩn số". Từ cung cách nói năng, đến việc *luôn luôn cảm ơn, xin lỗi, rồi động tác khoanh tay chào cúi gập lưng...* đều thể hiện một cách ứng xử hết sức mềm mỏng. *Cộng thêm vào đó là tinh thần kiên trì học hỏi.* Những phẩm chất đó đã đem đến thành công cho người Nhật.

Việc nói xấu người khác có thể xảy ra ở bất kỳ đâu, nhưng ở người Việt, nó khá nổi bật. Người ta có thể bắt gặp việc nói xấu người khác hằng ngày ”Ngồi lê lắc lẻo sau lưng người khác”. Người Việt trồng lúa nước nên sinh sống thành những làng xã. Ở đó, họ quen biết nhau, quan tâm đến nhau, chia sẻ với nhau, hướng về nhau, từ đó tạo ra tính cộng đồng, cộng cảm xúc. Cũng trong cộng đồng ấy, mỗi người có một vị trí nhất định nên không ai muốn mất vị trí ấy, từ đó đẻ ra *bệnh sĩ diện*. Cũng vì sĩ diện, không muốn ai hơn mình mà sinh ra nói xấu nhau. Chẳng bao giờ người ta lại đi nói xấu một người kém mình cả. Với người kém mình, người Việt luôn có xu hướng giúp đỡ họ. Ngược lại, với những người ngang bằng mình mà đang có xu hướng vượt lên hoặc những người cao hơn mình ở một phương diện nào đó thì người Việt có khuynh hướng nói xấu nhằm cào bằng họ xuống ngang hàng với mình, đìm người ta xuống vì không muốn họ hơn mình. Vì thế, cứ thấy ai hơn mình là tập trung vào “đánh hội đồng”. Chẳng thế mà Nguyễn Du đã thốt lên: “*Chữ tài liền với chữ tai một vần*”. Lý giải điều này, đó là do văn hóa Việt là nền *văn hóa trọng tình, trọng sự hòa hiếu* nên thường tránh đối đầu trực tiếp. Nói xấu trước mặt, xúc phạm trực tiếp đến thể diện người khác sẽ khiến người ta “mất mặt”, gây thù chuốc oán là điều người Việt luôn né tránh. Vì vậy, việc nói xấu luôn chỉ diễn ra sau lưng để người bị nói xấu không nghe thấy, thay vì nói thẳng. Sự nói xấu, suy cho cùng là cái nhìn thiên cận. Bởi khi đó, người ta sẽ chỉ chăm chăm nhìn vào mặt xấu của người khác, cố tình lờ đi mặt tốt của nhau. Đáng tiếc là trong một xã hội trọng tình thì sự thiếu khách quan ấy lại khá phổ biến”. Những nền văn hóa âm tính dễ mắc tật nói xấu hơn những nền văn hóa dương tính. Xét về giới thì phụ nữ nói xấu nhau nhiều hơn nam giới. Xét về công việc thì người làm những công việc nhàn hạ, rỗi rãi nói xấu nhau nhiều hơn người phải lao động chân tay vất vả. Điều đó lý giải vì sao những người lao động chân tay thường bộc trực, có sao nói vậy, thậm chí nhiều khi người ta nói “vỗ mặt” nhưng nói xong thì thôi chứ không mấy để bụng. “Nói xấu là một tật xấu hoàn toàn có thể sửa được. Muốn vậy, “người ta phải có mong muốn trở thành những người trung thực, thẳng thắn, không ưa xu nịnh, tôn trọng sự thật, bảo vệ sự thật”. Bởi do quản lý xã hội buông lỏng cùng với kinh tế thị trường, con người chạy theo giá trị vật chất, nhiều quy định bất cập, đòi hỏi không phù hợp với thực tế nên nhiều khi bắt buộc người ta phải nói dối.” Không biết nói dối thì thôi thây ra”(Tục ngữ Việt Nam). Đó là lý do vì sao không dám nói thẳng khuyết điểm trước

mặt mà chỉ nói sau lưng, rồi có thời gian để ngồi nói xấu nhau ngay trong giờ làm việc. Cũng vì cơ chế thị trường phải cạnh tranh nhau nên không hiếm chuyện để hạ uy tín đối thủ, người ta phao tin thất thiệt khiến cho đối thủ bị ảnh hưởng, thậm chí là phá sản. Chẳng riêng gì chỉ người Việt mới có thói nói xấu. Thế nhưng, để đến mức phổ biến, có thể dễ dàng bắt gặp thì nó cũng là nét đặc trưng trong tính cách người Việt. Đó là một tính xấu và cần phải loại bỏ trong đời sống xã hội. Có thể mới mong xã hội phát triển, hiện đại. (GS. Trần Ngọc Thêm: vì sao người việt có tật nói xấu sau lưng? kienthuc.net.vn ngày 11-10-2013).

Hiện tượng TLXH là sự biểu hiện tâm lý thống nhất của các thành viên trong một nhóm xã hội nào đó trước những tác động của hoàn cảnh sống. Nó định hướng, điều khiển, điều chỉnh sự hoạt động cùng nhau của các thành viên trong nhóm xã hội.

Hiện tượng TLXH lúc đầu chỉ biểu hiện ở một vài người, nhưng qua mối quan hệ tác động qua lại giữa các thành viên, nên từ tâm trạng cá nhân sẽ dần lây lan thành tâm trạng chung cả nhóm. Chẳng hạn như các em HS lớp 12 biểu hiện lo lắng đối với kỳ thi tốt nghiệp và lựa chọn ngành nghề trong tương lai. ***TLHXH là một khoa học nghiên cứu những vấn đề nằm trong bản chất của các hiện tượng tâm lý xã hội***

Đối tượng của tâm lý học xã hội

Muốn xác định đối tượng của một khoa học cần xem xét khách thể mà nó nghiên cứu để vạch ra bản chất của khách thể ấy. Vấn đề này tưởng như đơn giản, song việc xác định đối tượng nghiên cứu là một vấn đề phức tạp và khó khăn nhất. Ở đó luôn tồn tại những quan điểm khác nhau giữa các nhà tâm lý học và các trường phái tâm lý học. Có quan niệm cho rằng đối tượng nghiên cứu của TLHXH là nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội được hình thành và phát triển trong các nhóm xã hội. **Tâm lý học xã hội** là ngành khoa học cơ bản hình thành và phát triển từ cuối thế kỷ 19, chuyên nghiên cứu tác động của hoạt động xã hội và quá trình nhận thức lên suy nghĩ của mỗi cá nhân, cũng như ảnh hưởng và mối quan hệ của cá nhân đó với những người khác. *Tâm điểm quan tâm của ngành tâm lý học xã hội là người ta làm thế nào để hiểu và tương tác với những người khác.* Các nhà tâm lý học xã hội nghiên cứu cách thức tương tác của con người với nhau và tìm hiểu sự ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với cá nhân. Các nhà tâm lý học xã hội nghiên cứu cả cá nhân và nhóm, những hành vi có thể quan sát hay

những suy nghĩ thầm kín. Những nội dung mà các nhà tâm lý học xã hội thường nghiên cứu là: các lý thuyết về nhân cách, sự hình thành và thay đổi thái độ, sự tương tác giữa người với người như tình yêu, tình bạn, định kiến, bạo lực, động cơ nhóm và xung đột, điều tra những quy luật ngầm của hành vi phát triển trong nhóm và làm thế nào để các quy luật này điều chỉnh hành vi trong nhóm.

Tuy nhiên các hiện tượng tâm lý xã hội hình thành và phát triển nhiều loại, nhiều dạng. TLHXXH nghiên cứu những hiện tượng tâm lý xã hội chung nhất, có tác dụng điều chỉnh hành vi của toàn bộ các cá nhân tham gia hoạt động tích cực vì mục đích hoạt động của nhóm xã hội.

Quan điểm khác lại cho rằng đối tượng nghiên cứu của TLHXXH là nghiên cứu những hiện tượng tâm lý của khối người đông đảo, của tập thể, của cộng đồng...

Xét về nguồn gốc thì tất cả các hiện tượng tâm lý đều có tính chất xã hội, mà tâm lý của cá nhân là hiện tượng do xã hội quy định. Trong hoạt động và giao tiếp tâm lý cá nhân ảnh hưởng tới tâm lý của nhóm, tập thể và ngược lại tâm lý của nhóm, tập thể lại ảnh hưởng tới tâm lý của cá nhân.

Nhà thơ Tố Hữu có viết:

“Một người đâu phải nhân gian.

Sống chẳng chỉ đóm lửa tàn mà thôi”

Tóm lại: TLHXXH nghiên cứu những nét đặc trưng trong tâm lý của các nhóm xã hội, các quy luật hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý xã hội như: nhu cầu và lợi ích của tập thể, tình cảm của cộng đồng, ý chí quần chúng, tâm trạng xã hội, tính cách dân tộc, bầu không khí tâm lý trong các nhóm xã hội.

Nhiệm vụ của TLHXXH

Nhiệm vụ nghiên cứu lý luận

Hệ thống hóa các vấn đề lý luận, xác định các khái niệm, phạm trù cơ bản để tiến tới nghiên cứu các quy luật hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội.

Nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng

Nghiên cứu tâm lý dân tộc và biến đổi của nó trong từng giai đoạn lịch sử. Nghiên cứu các khía cạnh của công tác quản lý xã hội: Từ công tác

tổ chức cán bộ đến đường lối, chủ trương chính sách, hệ thống pháp luật... đến những yếu tố tâm lý đặc trưng của người quản lý lãnh đạo.

Nghiên cứu tâm lý trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh. Các khía cạnh tâm lý trong quan hệ giữa cung và cầu, giữa người bán và người mua, vấn đề năng suất lao động, cải tiến mẫu mã hàng hóa...

Nghiên cứu các vấn đề tội phạm, các tệ nạn xã hội, vấn đề ô nhiễm môi trường... Qua đó xác định đâu là nguyên nhân thuộc về cá nhân, đâu là nguyên nhân thuộc về phía quản lý xã hội (trước hết và chủ yếu là các nguyên nhân tâm lý) để đưa ra hướng giải quyết thích hợp.

Ngoài ra, vấn đề gia đình hiện nay được toàn thế giới quan **tâm, các khía cạnh tâm lý trong bầu không khí tâm lý gia đình**, truyền thống, nếp sống văn hóa trong gia đình đang là những thực tiễn đòi hỏi tâm lý học xã hội nghiên cứu.

1.2. Các hiện tượng tâm lý xã hội và quy luật hình thành

1.2.1. Các hiện tượng tâm lý xã hội

(1) Bầu không khí tâm lý xã hội

Khái niệm: Là toàn bộ các trạng thái tâm lý tương đối ổn định đặc trưng cho một tập thể, nó ảnh hưởng rất mạnh đến các quan hệ tâm lý và hiệu quả hoạt động của tập thể đó.

Bầu không khí tâm lý (BKKTL) là nói tới không gian trong đó trong đó chứa đựng tâm lý chung của tập thể. Bầu không khí tâm lý gồm ba mặt sau:

Mặt tâm lý: đó là hiện tượng tinh thần của con người được thể hiện trong hoạt động và giao tiếp (như nhận thức, tình cảm, ý chí ...)

Mặt xã hội: bầu không khí tâm lý chỉ được xuất hiện qua mối quan hệ giữa các thành viên trong nhóm xã hội.

Mặt tâm lý xã hội: BKKTL nói lên trạng thái tâm lý chung của các thành viên trong nhóm như trạng thái vui vẻ, phấn khởi lạc quan, phần nộ, căng thẳng...

Có nhiều loại bầu không khí tâm lý xã hội, thông thường bầu không khí tâm lý mang những đặc trưng cơ bản của nhóm xã hội.

VD: Bầu không khí lễ hội của cả nước ngày 30/4, bầu không khí cả nước đi bầu cử Quốc hội, bầu không khí học tập ở các trường học trong những ngày thi cuối năm...

Bầu không khí tâm lý có vai trò rất quan trọng đối với đời sống xã hội. Nó có tác dụng quy định toàn bộ cuộc sống, hành vi, quan hệ xã hội của mọi người trong nhóm, nó góp phần quy định sự nảy sinh tính tích cực thực hiện những nhiệm vụ của từng thành viên trong nhóm xã hội. Nó ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng tình cảm và hành vi của mỗi con người trong nhóm xã hội đó, nó đặc biệt quan trọng đối với những người làm việc trong các lĩnh vực đòi hỏi sự sáng tạo và nghệ thuật. Từ những kết quả nghiên cứu ta thấy rằng: hiệu quả của công việc trong tập thể, nhân cách của người quản lý lãnh đạo và bầu không khí tâm lý của nhóm luôn luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Nếu ta sống trong một bầu không khí lành mạnh thân ái trong tập thể sẽ tạo ra tâm trạng phấn khởi vui vẻ ở mỗi thành viên, làm tăng thêm tính tích cực của họ trong công việc thực hiện các nhiệm vụ. Nếu ta sống trong một bầu không khí lành mạnh thân ái trong tập thể sẽ tạo ra tâm trạng phấn khởi vui vẻ ở mỗi thành viên, làm tăng thêm tính tích cực của họ trong công việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Ngược lại, nếu sống trong bầu không khí ảm đạm, mất tự do, dân chủ, mọi người lạnh nhạt với nhau, căng thẳng, xung đột... sẽ dẫn tới rối loạn nhịp độ tốc độ lao động làm cho sản phẩm kém giá trị về chất lượng, không khí uể oải, buồn chán, thờ ơ bao trùm... Trong tình huống đó thì người lãnh đạo cần phải tìm hiểu nguyên nhân nào đã gây ra BKKTL tiêu cực đó để giải quyết tận gốc. Tránh lối giải quyết chủ quan duy ý chí, vội vàng qui chụp, đàn áp... Bởi vì cách giải quyết đó chỉ làm cho bầu không khí tâm lý thêm căng thẳng chứ không giải quyết được vấn đề.

Vì vậy, việc hình thành BKKTL tốt đẹp trong tập thể không chỉ là nhiệm vụ bắt buộc mà còn là nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi sự cố gắng của tất cả các thành viên trong tập thể, trong đó vai trò hàng đầu thuộc về phong cách của người lãnh đạo được giao. Ngược lại, nếu sống trong bầu không khí ảm đạm, mất tự do, dân chủ, mọi người lạnh nhạt với nhau, căng thẳng, xung đột... sẽ dẫn tới rối loạn nhịp độ tốc độ lao động làm cho sản phẩm kém giá trị về chất lượng, không khí uể oải,

buồn chán, thờ ơ bao trùm...Trong tình huống đó thì người lãnh đạo cần phải tìm hiểu nguyên nhân nào đã gây ra BKKTL tiêu cực đó để giải quyết tận gốc. Tránh lối giải quyết chủ quan duy ý chí, vội vàng qui chụp, đàn áp...Bởi vì cách giải quyết đó chỉ làm cho bầu không khí tâm lý thêm căng thẳng chứ không giải quyết được vấn đề.

Vì vậy, việc hình thành BKKTL tốt đẹp trong tập thể không chỉ là nhiệm vụ bắt buộc mà còn là nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi sự cố gắng của tất cả các thành viên trong tập thể, trong đó vai trò hàng đầu thuộc về phong cách của người lãnh đạo

1.1. Biểu hiện của bầu không khí tâm lý

Bầu không khí tâm lý phản ánh những điều kiện quản lý tổ chức và cơ sở vật chất trong hoạt động cùng nhau, trong thái độ của con người với nhau, nên nó được biểu hiện ở một số điểm sau:

1.1.1. Bầu không khí tâm lý được biểu hiện thông qua các mối quan hệ giữa các cá nhân trong nhóm. BKKTL được hình thành từ các mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với con người, nhưng nó không phải là tổng thể các phẩm chất cá nhân của từng thành viên. Thực tế đã chứng minh ở những cá nhân tốt có thể nảy sinh những quan hệ xấu với nhau và ngược lại ở những người có thiếu sót chưa hẳn đã có quan hệ xấu với nhau. Trong tập thể, nếu quan hệ giữa các thành viên diễn ra một cách thoải mái, mọi người đều có cảm giác mình không bị giới hạn bởi một điều gì, mọi hoạt động của con người được diễn ra một cách tự do, kỷ luật không làm mọi người nơm nớp lo sợ khi thực hiện nhiệm vụ thì tập thể luôn có bầu không khí tâm lý tích cực.

1.1.2. Bầu không khí tâm lý được biểu hiện ở thái độ của mọi người đối với công việc chung, với bạn bè và với người lãnh đạo của họ. Thái độ đối với công việc chung, với bạn bè và với người lãnh đạo được phát triển và củng cố trong quá trình các thành viên lao động cùng nhau, nó phụ thuộc rất nhiều vào tính chất và phong cách của người lãnh đạo, nếu người lãnh đạo hay cáu gắt, coi thường người thừa hành, dễ nặng lời với nhân viên, sẽ tạo bầu không khí nặng nề, làm giảm hiệu quả lao động. Vì thế người lãnh đạo cần phải hiểu biết sâu sắc về tập thể của mình cũng như quan hệ giữa các thành viên trong tập thể với nhau và thái độ của họ đối với công việc, đối với

cuộc sống. Muốn xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực thì người lãnh đạo phải tìm hiểu tùy thuộc vào trạng thái của từng tình huống mà sử dụng những biện pháp để khắc phục những tồn tại trong tập thể không nên rập khuôn máy móc. Bởi vì, cùng một tác động tâm lý nhưng có thể gây ra những phản ứng khác nhau trong cùng một nhóm.

1.1.3. Bầu không khí tâm lý được thể hiện ở sự thỏa mãn về công việc do mỗi người trong nhóm đảm nhận. Trong tập thể có bầu không khí tâm lý tốt thì các thành viên thường cảm thấy hài lòng thỏa mãn với công việc mình phụ trách, các thành viên luôn động viên đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ của tập thể. Ví dụ: Trong tập thể thường diễn ra cuộc thảo luận sôi nổi về những vấn đề có liên quan tới số phận của cá nhân, của tập thể, đặc biệt là đối với việc nâng cao hiệu suất lao động của tập thể. Điều đó, biểu hiện ở sự quan tâm lẫn nhau của các thành viên trong tập thể, đảm bảo lợi ích của đồng nghiệp, biểu hiện sự gắn bó lợi ích của cá nhân với lợi ích của tập thể. Trong tập thể, mọi thành viên được phân công nhiệm vụ rõ ràng, vị trí của từng người ít bị xáo trộn. Mỗi người đều nghiêm túc có trách nhiệm thực hiện công việc được giao với kết quả cao, điều này phản ánh tốt mối quan hệ giữa người lao động với công việc, biểu hiện sự ổn định về mặt tình cảm với việc làm, không có sự chấp vá, tạm bợ...

Muốn xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể thì cần phải tổ chức lao động có khoa học. Phải chú ý tới các yếu tố động viên khích lệ, động viên tinh thần và vật chất đối với người lao động để tránh những xung đột có thể xảy ra trong tập thể.

1.1.4. Sự tương đồng tâm lý và sự xung đột tâm lý

Sự tương đồng tâm lý: là sự phối hợp tối ưu những phẩm chất nhân cách của mọi người trong hoạt động chung. Sự tương đồng sẽ thuận lợi cho việc nâng cao năng suất lao động và thỏa mãn sự hài lòng của các cá nhân. Có nhiều dạng tương đồng tâm lý: tương đồng về thể chất, về đặc điểm tâm sinh lý, về mặt tâm lý xã hội...

Sự xung đột tâm lý: là sự mâu thuẫn của các thành viên có đụng chạm đến quyền lợi vật chất, đến uy tín danh dự và giá trị đạo đức dẫn đến sự bất lực trong việc kết hợp đồng bộ và sự hiểu biết lẫn

nhau của một nhóm hay các cá nhân trong xã hội. Sự xung đột tâm lý là do có mâu thuẫn trong tập thể gây ra, nhưng không phải bất cứ mâu thuẫn nào cũng gọi là xung đột. Có các dạng xung đột sau:

Xung đột giả: là một kẻ sinh sự và một kẻ phản bác. Kẻ sinh sự thường chống đối mạnh, đôi khi giấu mặt, nói xấu sau lưng, nhận xét vụng trộm...

Xung đột tương đồng: cả hai bên cùng chống đối lẫn nhau do cả hai cùng xâm phạm quyền lợi của nhau và có sự hiểu lầm ngộ nhận lẫn nhau, không ai chịu ai nên tìm mọi cơ hội để gây nên xung đột.

Xung đột phức tạp: loại xung đột này được xuất phát từ nhiều lý do và nhiều động cơ khác nhau. Thậm chí hai bên bỏ qua nguyên nhân chính của mỗi bất đồng mà quay ra sỉ vả, chỉ trích xúc phạm lẫn nhau.

Xung đột bùng nổ: là sau một thời gian hai bên ngấm ngấm chịu đựng nhau và trong khoảng khắc sự bức bối đạt tới cực điểm và xung đột bùng nổ.

Nguyên nhân dẫn tới sự xung đột của nhóm:

Do tập thể không có tổ chức kỷ luật hay kỷ luật không nghiêm do năng lực cán bộ quản lý yếu.

Do điều kiện lao động khó khăn, thiếu hợp lý trong đãi ngộ (như mức sống thấp, mức lương không hợp lý, điều kiện làm việc độc hại, nhiều nguy hiểm ...)

Do thiếu hiểu biết, thiếu tương hợp, nói xấu lẫn nhau, xúc phạm danh dự, uy tín của nhau trong tập thể có tính cách xấu như: kèn cựa, độc ác, thủ đoạn, ích kỷ, mưu mô, tham lam,...

Do sự khác biệt về lợi ích, ý kiến, quan điểm, nhu cầu, cách ứng xử... Một nguyên nhân quan trọng khác thường dẫn đến xung đột của nhóm là sự khát vọng về quyền lực của các cá nhân. Khi trong tập thể xuất hiện xung đột ta phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm ra biện pháp khắc phục xung đột.

1.1.5. Chỉ tiêu đánh giá bầu không khí

- Sự tín nhiệm và tính đòi hỏi cao của các thành viên trong nhóm.
- Phê bình có thiện chí.
- Mọi người tự do phát biểu ý kiến về những vấn đề có liên quan đến tập

thể

- Không có áp lực của người lãnh đạo đối với các người bị lãnh đạo.
- Các thành viên trong tập thể có sự đồng cảm giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn

Dựa vào những tiêu chuẩn trên mà người lãnh đạo cần chú ý để xây dựng BKKTL của tập thể một cách hợp lý nhằm thúc đẩy tính tích cực hoạt động của các thành viên trong tập thể, nâng cao hiệu quả lao động của tập thể.

1.1.5.Các yếu tố ảnh hưởng tới bầu không khí tâm lý xã hội

1.1.5.1.Phong cách làm việc của người lãnh đạo

Người lãnh đạo biết cách tổ chức quản lý, biết tôn trọng nhân cách, biết khơi dậy tính tích cực sáng tạo của các thành viên. Người lãnh đạo không nên là một người mà lúc nào cũng khó đăm đăm với người cấp dưới của mình mà phải vui tươi, niềm nở, lịch thiệp. Nếu thấy một người đáng khen thì phải kịp thời có những lời khen thích đáng, khi trừng phạt thì phải có sự thận trọng cao độ. Người lãnh đạo cần biết nói và biết nghe, phải hiểu biết người dưới quyền, quan tâm đến đời sống của họ, động viên họ những lúc cần thiết, hỏi han về gia đình, đó là phương pháp có hiệu quả để tạo bầu không khí tâm lý tốt.

1.1.5.2.Sự lây lan tâm lý

Người lãnh đạo có óc hài hước sẽ tạo bầu không khí thoải mái dễ chịu, tạo ra quan hệ thân mật, cởi mở với mọi người. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu về TLHXXH cho thấy: nếu một tập thể toàn nam giới hoặc toàn nữ giới, thì hiệu quả lao động thường không cao so với tập thể có cả nam và nữ.

1.1.5.3.Điều kiện lao động

Môi trường lao động phải được đảm bảo vệ sinh, thẩm mỹ như: phải đủ ánh sáng, được trang trí phù hợp với điều kiện lao động, không có nhiều tiếng ồn, trang phục của người lao động phải phù hợp với loại lao động. Nơi làm việc không ngăn nắp sẽ làm cho người lao động có thói quen cầu thả, dễ dẫn đến các tai nạn lao động làm cho người lao động không an tâm, điều đó sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả lao động.

1.1.5.4.Lợi ích

Lợi ích vật chất có ảnh hưởng rất lớn đến bầu không khí tâm lý xã hội. Khi đời sống xã hội được nâng cao sẽ tạo ra bầu không khí phấn khởi êm ấm, mọi người có trách nhiệm hơn với công việc.

1.2. Tâm trạng xã hội

1.2.1. Khái niệm: Là một hiện tượng phổ biến, nảy sinh như một phản ứng tự nhiên, tất yếu của con người đối với những hiện tượng, sự kiện, đã và đang xảy ra trong hiện thực có liên quan mật thiết sự thoả mãn hay không những nhu cầu vật chất hay tinh thần.

Tâm trạng là một trạng thái cảm xúc của cá nhân hay tập thể nó xuất hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội như: học tập, lao động, vui chơi, sinh hoạt... Tâm trạng có ảnh hưởng đến quá trình sinh lý của con người: thúc đẩy hoặc ức chế hoạt động, nhiễu loạn quá trình sinh lý và có khi làm cá nhân có hành vi bột phát ngoài ý muốn.

1.2.2. Các loại tâm trạng xã hội

Trong xã hội có nhiều loại tâm trạng khác nhau như: tâm trạng chính trị, tâm trạng nghề nghiệp, tâm trạng sinh hoạt... Tuy nhiên, căn cứ vào các tính chất của tâm trạng xã hội để phân loại:

1.2.2.1. Tâm trạng xã hội tích cực: đó là tâm trạng dễ chịu, lạc quan, phấn khởi hân hoan, ảnh hưởng đến thái độ của mọi người, đến quá trình chuyển hóa cơ thể. Nhờ vậy hoạt động tâm lý cũng được nâng cao: con người nhanh trí hơn, tháo vát hơn, quá trình xuất hiện mệt mỏi trong lao động nảy sinh chậm, quan hệ giữa người với người cởi mở hơn, mọi người quan tâm và mong muốn hợp tác với nhau.

1.2.2.2. Tâm trạng xã hội tiêu cực: đó là tâm trạng bi quan, ủy mị, hoảng loạn, chán chường, buồn bực... Loại tâm trạng này kìm hãm hoạt động của con người, gây một tâm lý nặng nề trong tập thể, trong xã hội. **Tâm trạng xã hội tiêu cực** làm cho tính tích cực mỗi thành viên bị giảm sút, phản ứng sinh lý cũng như tâm lý bị rối loạn, tư duy rời rạc, luẩn quẩn sinh đãng trí, tính nhạy cảm giảm sút, làm việc chóng mệt mỏi.

Việc khắc phục tâm trạng tiêu cực có thể bằng cách **giáo dục ý thức** về các giá trị, các **định hướng chuẩn mực**, bằng việc nêu gương những **nhân tố tích cực** trong đời sống, bằng việc giáo dục ý thức về sự cần thiết phải đạt tới những mục tiêu có ý nghĩa quan trọng của tập thể.

Những việc làm này sẽ kích thích được những rung cảm tích cực ở mỗi con người làm cho tập thể sáng khoái tinh thần, làm cơ thể khỏe khoắn.

VD: Tại buổi cầu nguyện, những bức tường được dựng lên để tiếp viên bày tỏ cảm xúc với đồng nghiệp xấu số. Trên đó còn có nhiều bức ảnh chụp phi hành đoàn MH17.

"*Hãy yên nghỉ, chúng tôi nhớ bạn*", dòng chữ của một tiếp viên lưu lại trên tường ở trung tâm huấn luyện. "*Chúng tôi yêu các bạn, những tiếp viên đi chuyến MH370 và MH17*", một dòng tâm sự khác viết.

Tinh thần sa sút. Malaysia Airlines suốt nhiều năm qua phải gồng mình trước hai thảm kịch gần đây khiến hãng càng thêm khó khăn hơn. Kế hoạch khôi phục, thứ mà các chuyên gia hàng không nói phải bao gồm cả việc cắt giảm lương, càng làm tăng *cảm giác căng thẳng*.

Một phi công 43 tuổi cho biết tinh thần của thành viên phi hành đoàn đang sa sút và sự vui tươi thường thấy không còn trên khuôn mặt của họ lúc máy bay hạ cánh nữa. *Một tiếp viên từng có 12 năm kinh nghiệm phục vụ cho Malaysia Airlines thì tiết lộ ý định đổi nghề vì không muốn gia đình lo lắng.*

1.2.3. Điều kiện hình thành tâm trạng xã hội

Tâm trạng đến với mỗi cá nhân thường bất ngờ không chủ định. V.I. Lênin đã coi: "***Tâm trạng là cái gì hầu như là mù quáng, vô thức và không lường trước được***" Tâm trạng xã hội có thể được hình thành bằng con đường tự phát hoặc tự giác.

Tâm trạng xã hội chịu sự tác động của yếu tố khách quan và chủ quan, nó được tồn tại trong một thời gian nhất định. Nó có nguồn gốc từ hiện thực xã hội, nó vừa phản ánh thực tại xã hội, vừa phản ánh nhu cầu nguyện vọng của quần chúng. Vì vậy muốn hình thành tâm trạng xã hội tích cực thì cần phải tìm hiểu nguyện vọng của quần chúng, nắm bắt được những nhu cầu của họ, qua đó xác định được tác động của cuộc sống hiện thực đối với họ.

Việc hình thành tâm trạng xã hội tích cực không chỉ đơn thuần bằng yếu tố tâm lý hay chỉ bằng những lời lý thuyết suông, mà cần phải tác động vào tâm trạng xã hội bằng những hành động cụ thể thiết thực như:

-Đẩy mạnh công cuộc xây dựng kinh tế, văn hoá xã hội của đất nước

- Mở rộng sự dân chủ trong quản lý và trong sinh hoạt xã hội
- Tăng cường sự nghiêm minh của pháp luật
- Quan tâm đến đời sống của quần chúng nhân dân
 - Bên cạnh đó có thể thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và các loại hình nghệ thuật để làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân, giúp mọi người vượt tới cái đúng, cái đẹp, có ý thức chống lại những thói hư tật xấu, những âm mưu phá hoại của kẻ thù. Chẳng hạn thường xuyên tổ chức các buổi văn nghệ, giao lưu, chiếu phim... trong các trường học, trong cộng đồng để tạo ra tâm trạng tích cực.
- Tâm trạng xã hội phản ánh các biến đổi quan trọng bên trong hoặc bên ngoài của cuộc sống xã hội. Nếu trong xã hội điều kiện kinh tế được cải thiện, đời sống tinh thần được nâng cao thì tâm trạng của mọi người thường theo hướng tích cực. Ví thế A.X. Macarenco nhà sư phạm xuất sắc Nga đã coi việc hình thành tâm trạng tích cực trong tập thể lao động là việc làm bắt buộc của người quản lý.

1.3. Dư luận xã hội

1.3.1. Khái niệm: Dư luận xã hội (DLXH) là sự phán đoán, đánh giá và thái độ biểu cảm của các thành viên trong tập thể về những sự kiện, biến cố nào đó trong nội bộ tập thể hoặc trong xã hội mà họ quan tâm.

Dư luận xã hội là một hiện tượng tinh thần xã hội phức tạp nó tồn tại trong tất cả các giai đoạn lịch sử, nó là một trong những phương thức tồn tại của ý thức xã hội. Dư luận xã hội dù là phán đoán của cá nhân hay của tập thể nhưng bao giờ nó cũng biểu hiện sự tập trung của: nhận thức, lý trí và nhu cầu nguyện vọng của tập thể. Từ xa xưa người ta đã thấy dư luận xã hội có sức mạnh rất mãnh liệt, nó có sức mạnh vô hình thâm nhập vào các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội. Người ta đã so sánh DLXH như là “áp lực của khí quyển”, con người có thể cảm nhận nó nhưng không thể trực tiếp nhìn thấy nó bằng mắt thường, nó được tồn tại trong mọi ngõ ngách của đời sống xã hội.

Đặc điểm của dư luận xã hội:

- ✓ Dư luận xã hội mang tính chất công chúng.
- ✓ Dư luận xã hội có quan hệ chặt chẽ với quyền lợi của cá nhân và của nhóm.
- ✓ Dư luận xã hội cũng dễ dàng thay đổi.

- ✓ Dư luận chính thức: là dư luận được tồn tại công khai, được người lãnh đạo và tập thể thừa nhận, nó được lan truyền bằng con đường chính thức.
- ✓ Dư luận không chính thức: là những dư luận không công khai, nó được lan truyền một cách tự phát.

Loại dư luận này có thể đúng hoặc có thể sai, nhưng bên trong nó thường chứa đựng những yếu tố không chính xác, làm cho phán đoán mang tính chất mơ hồ và nó có thể là tin đồn.

Tin đồn là những thông tin không chính thức, có thể nó chứa một phần sự thật, ít nhiều được cấu trúc lại theo các quy luật tâm lý, bị làm méo mó đi trong quá trình truyền miệng. Nó được lan truyền rất nhanh và thường gây ra hậu quả không tốt, tai hại nhất là những thông tin mang tính chất phá hoại.

Thực nghiệm cho thấy các cá thể trong khi truyền bá các tin đồn, vấp phải khó khăn là làm sao nhớ được đầy đủ các yếu tố và cả cấu trúc của tin đồn. Họ phải cấu trúc lại, điều chỉnh lại theo phương thức hiểu và theo lợi ích riêng của họ. Sự chiếm hữu chủ quan đã gây ra sự biến dạng của các tin đồn.

Nếu trong tập thể có xuất hiện tin đồn thì cũng phần nào cho biết tình trạng của tập thể ở một khía cạnh nào đó. Vì vậy, người lãnh đạo cần phải tìm hiểu kỹ về tin đồn (như: nội dung tin đồn, mục đích và tính chất, mức độ ảnh hưởng của tin đồn, ai là người đưa ra tin đồn...) để có biện pháp giải quyết hợp lý (nên dùng biện pháp tế nhị để ngăn chặn tin đồn, cung cấp đầy đủ thông tin cho quần chúng để họ có khả năng nhận định phán xét vấn đề cho đúng đắn...)

Dư luận xã hội dù có vai trò quan trọng nhưng nó cũng giống con dao hai lưỡi: nó có thể khuyến khích cổ vũ cái đúng, cái mới và lên án cái bảo thủ lạc hậu, cái không phù hợp với lợi ích của xã hội. Bên cạnh đó, nó cũng chứa đựng và xúi giục cái xấu cái lạc hậu. Vì vậy, ta không nên để mặc cho dư luận xã hội diễn ra một cách tự phát mà cần phải biết hướng dẫn dư luận xã hội phát triển theo hướng tích cực.

1.3.2.Vai trò của dư luận xã hội

Dư luận xã hội biểu thị thái độ của đa số người trong cộng đồng, là

quan đ iểm, cảm xúc, ý chí của tập thể nó có sức mạnh rất to lớn và có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội.

1.3.2.1. Dư luận xã hội đóng vai trò điều hòa các mối quan hệ và hành vi xã hội. Khi trong xã hội hay tập thể xảy ra những biến cố lớn đụng chạm tới lợi ích của cộng đồng thì dư luận xã hội được hình thành một cách nhanh chóng và rộng rãi, nó có tác dụng định hướng hành vi và hoạt động của quần chúng theo các chuẩn mực đạo đức xã hội và các giá trị xã hội. Trên cơ sở đánh giá, phán xét các sự kiện hiện tượng DLXH nêu ra các chuẩn mực hướng dẫn những việc ta nên làm và những việc ta nên tránh. Nó làm cho các phong tục tập quán, truyền thống đã có phát huy được tác dụng và có ảnh hưởng tích cực tới các thành viên trong xã hội.

1.3.2.2. Dư luận xã hội có thể kiềm chế hoặc kích thích sự phát triển các quá trình tâm lý tích cực, hạn chế những tiêu cực trong quan hệ xã hội, trong các nhóm xã hội. Việc làm xây nhà tình nghĩa; hội từ thiện ủng hộ người nghèo khó, cô đơn...đó là những dư luận xã hội hướng vào lòng nhân hậu, nhân ái của con người đ ối với đồng loại.

1.3.2.3. Dư luận xã hội còn có vai trò giáo dục con người, nó như là một phương tiện tác động, điều khiển điều chỉnh tâm lý của các thành viên trong tập thể. Dư luận xã hội có tác động vào ý thức con người, chi phối ý thức cá nhân có những hành vi, thái độ cho phù hợp với các chuẩn mực hành vi xã hội, phù hợp với đạo lý của con người. Nó là công cụ giáo dục có sức thuyết phục mọi người trong xã hội thực hiện chủ trương chính sách của đảng và nhà nước. Dư luận xã hội có tác dụng giáo dục nhiều khi còn mạnh hơn cả biện pháp hành chính.

1.3.2.4. Dư luận xã hội còn thực hiện chức năng cố vấn cho các tổ chức, các cơ quan có chức năng giải quyết các vấn đề có liên quan tới cộng đồng. Chẳng hạn, thời gian gần đây, nhiều người được biết đến câu chuyện một nữ tiếp viên hãng hàng không Vietnam Airlines bị bắt tại Nhật do nghi ngờ xách lậu hàng ăn cấp về Việt Nam. Văn phòng của Vietnam Airlines tại Tokyo bị lục soát, tổ bay bị điều tra, cảnh sát Nhật nói họ nghi ngờ có khoảng 20 nhân viên của hãng hàng không này liên quan đến vụ xách lậu (xem báo Tuổi Trẻ, 27.3.2014). Chuyện tưởng nhỏ nhưng liền sau đó trở nên lùm xùm, nhưng không phải đ ối với người Nhật, mà lại đ ối với người Việt Nam. Báo chí trong nước lên

tiếng. Người ta cho đây là hành động gây tiếng xấu chung cho uy tín người Việt.

Tóm lại: Dư luận xã hội có vai trò rất quan trọng trong các giai đoạn phát triển của tập thể. Dư luận xã hội lành mạnh là sức mạnh tinh thần duy trì sự ổn định bền vững của nhóm xã hội, nó là yếu tố thúc đẩy sự phát triển các nhóm xã hội theo các định hướng đã được xây dựng. Sự thành công hay mọi rạn nứt của tập thể cũng thường bắt đầu từ dư luận xã hội.

1.3.3.Các giai đoạn hình thành dư luận xã hội

1.3.3.1.Các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình hình thành dư luận xã hội

- Dư luận xã hội phụ thuộc vào tính chất của các sự kiện, hiện tượng xảy ra trong xã hội. Những sự kiện hiện tượng liên quan đến quyền lợi của nhiều thành viên trong nhóm thì dư luận xã hội sẽ được hình thành nhanh chóng và mạnh mẽ hơn là khi nó chỉ liên quan đến quyền lợi của số ít người.

- Phụ thuộc vào tâm thế xã hội. Nếu quần chúng được chuẩn bị tốt về tư tưởng trước khi xảy ra những sự kiện hiện tượng thì có thể điều khiển được dư luận xã hội.

- Phụ thuộc vào trình độ hiểu biết, hệ tư tưởng số lượng và chất lượng của thông tin. Những yếu tố đó có thể tác động đến khuynh hướng, nội dung và chiều sâu của dư luận xã hội. Nếu thông tin không đầy đủ rõ ràng thì làm cho phán đoán mang tính chất mơ hồ và đó có thể chỉ là tin đồn chứ chưa chắc đã là dư luận xã hội.

- Phụ thuộc vào thói quen, nếp nghĩ, tâm trạng, ý chí, tình cảm của cộng đồng người. Nếu trong cộng đồng xã hội có tâm trạng tốt tích cực thì sự nhận xét đánh giá về các sự kiện, hiện tượng sẽ khác khi trong xã hội có tâm trạng tiêu cực.

1.3.3.2.Các giai đoạn hình thành dư luận xã hội

- Giai đoạn I: Xuất hiện những sự kiện, hiện tượng có nhiều người chứng kiến và suy nghĩ về những sự kiện hiện tượng đó.

- Giai đoạn II: Có sự trao đổi giữa người này và người khác về các sự kiện đó. Trong giai đoạn này có sự chuyển từ ý thức của cá nhân sang ý thức của xã hội.

- Giai đoạn III: Ý kiến của nhiều người dần dần được thống nhất lại xung quanh những vấn đề cơ bản. Trên cơ sở đó hình thành sự phán xét, đánh giá chung thỏa mãn đại đa số người trong cộng đồng.

- Giai đoạn IV: Từ sự phán xét đánh giá chung đi đến sự thống nhất về quan điểm, nhận thức và hành động hình thành nên dư luận chung.

Quá trình hình thành dư luận xã hội là sản phẩm của giao tiếp xã hội. Muốn nắm được dư luận xã hội và sử dụng nó như là phương tiện giáo dục có sức thuyết phục quần chúng ta phải nắm được quá trình nảy sinh hình thành của nó, biết điều chỉnh theo hướng có lợi cho sự phát triển của xã hội.

1.4. Truyền thống

1.4.1. Khái niệm: là những đức tính, tập quán, tư tưởng và lối sống được hình thành trong đời sống và được xã hội công nhận, nó được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và có tác dụng to lớn đối với mỗi cá nhân và toàn xã hội. Là tài sản tinh hoa của thế hệ trước chuyển giao cho thế hệ sau.

Khi nói về truyền thống dưới góc độ TLHXXH coi truyền thống là những di sản tinh thần nó luôn được kế thừa. Truyền thống luôn gắn liền với sự tồn tại và phát triển trong con người, nó theo chiều hướng của tương lai. Mỗi người đều mang trong mình những giá trị truyền thống ở các mức độ khác nhau. Truyền thống là do con người xây dựng và phát triển, nó là một mặt không thể thiếu được của nền văn minh.

Nó được coi là thứ keo kết dính các thành viên với nhau làm cho tập thể trở thành một chỉnh thể đoàn kết và thống nhất. Vì vậy mà truyền thống có sức mạnh to lớn trong đời sống xã hội. Ví dụ: truyền thống tôn sư trọng đạo, kính già yêu trẻ, lá lành đùm lá rách...

Chủ nghĩa yêu nước gắn liền với khát vọng công lý, hòa bình và lòng nhân ái, nhân văn giữa con người với con người.

Truyền thống có sức mạnh to lớn trong đời sống xã hội, bởi lẽ truyền thống có các đặc điểm cơ bản: tính chất quần chúng, tính ổn định bền vững, tính kế thừa và sáng tạo, tính tiến bộ và dễ gây cảm xúc.

Cùng với đặc điểm cơ bản thì truyền thống thể hiện vai trò

duy trì trật tự các quan hệ xã hội, đảm bảo sự ổn định mọi hoạt động và sinh hoạt của các thành viên trong nhóm. Truyền thống góp phần xây dựng những chuẩn mực khuôn mẫu hành vi ứng xử trong các quan hệ xã hội ổn định cho các thành viên trong nhóm, đặc biệt là đối với thế hệ trẻ. Truyền thống tạo ra sự khác biệt độc đáo cần thiết giữa các nhóm xã hội, giữa các cộng đồng trong cuộc sống sinh hoạt.

1.4.2. Các loại hình truyền thống

Truyền thống được tồn tại dưới hai dạng: *Lịch sử vật thể và lịch sử tinh thần.*

Căn cứ nội dung của truyền thống ta có: Truyền thống cách mạng, truyền thống dân tộc, truyền thống lao động, chiến đấu, truyền thống thể thao...

Căn cứ ý nghĩa tích cực của truyền thống ta có: Truyền thống tốt đẹp, tiến bộ đồng thời cũng có truyền thống xấu, lạc hậu. Điều này cũng dễ hiểu bởi lẽ cùng với sự phát triển của xã hội, quan hệ kinh tế, điều kiện sống thay đổi... Vì thế nên có thể có truyền thống đối với xã hội hiện đại sẽ trở nên lạc hậu, không còn thích hợp nữa.

Nói đến truyền thống là nói đến phong tục tập quán, lễ hội mang bản sắc dân tộc được truyền từ đời này sang đời khác. Nhưng truyền thống bao giờ cũng thay đổi chậm hơn lạc hậu hơn so với sự thay đổi của hình thái kinh tế xã hội, vì thế ta phải kế thừa truyền thống một cách sáng tạo có chọn lọc.

Phong tục tập quán: Là một mặt biểu hiện của truyền thống, đó là những thói quen xã hội mang các đặc trưng trong lối sống của một cộng đồng của dân tộc, được biểu hiện trong cách ăn mặc, cách ứng xử, trong quan hệ xã hội, trong lễ tết hội hè, trong cả lao động sản xuất... Phong tục mang tính chất cộng đồng, tính ổn định và tính truyền thống.

Lễ hội: Là bộ phận cấu thành phong tục của một dân tộc. Ở nước ta, theo thống kê chưa đầy đủ, trong một năm ở các vùng trên đất nước có hơn 40 lễ hội chính. **Lễ:** là một hệ thống hành động đặc biệt mang tính cách điệu, để biểu thị một **sự trân trọng, lòng ngưỡng mộ** của công chúng đối với đối tượng được cử lễ.

Hội: là hệ thống những hình thức **vui chơi, giải trí** có tính truyền thống của dân tộc, của địa phương...

Tóm lại: *Truyền thống, phong tục tập quán và lễ hội là các yếu tố mang đậm đà bản sắc tâm lý dân tộc*, nhưng khi khôi phục lại lễ hội, phong tục tập quán cần chú ý chọn lựa những cái tốt đẹp, chớ khôi phục những truyền thống bảo thủ lạc hậu không phù hợp với xã hội hiện nay.

1.4.3.Sự hình thành và phát triển truyền thống

Truyền thống được tồn tại và phát triển nhờ vào hoạt động sáng tạo của con người, của tập thể, của cộng đồng dân tộc. Bản chất của truyền thống là sự lặp đi, lặp lại có tuyển chọn, là sự tích lũy truyền bá, sự kế thừa và sáng tạo những kinh nghiệm lịch sử xã hội của các thế hệ nối tiếp nhau.

Truyền thống có chức năng thông báo thông tin, điều chỉnh và giáo dục... Nhờ các chức năng đó mà các chuẩn mực hành vi hoạt động và nguyên tắc của các mối quan hệ xã hội, những kinh nghiệm sống và đấu tranh, những giá trị văn hoá tinh thần của con người được lưu truyền và phát triển. Lịch sử Việt Nam có 4000 năm dựng nước và giữ nước đã để lại cho thế hệ trẻ một kho tàng truyền thống dân tộc, cách mạng vô cùng phong phú và độc đáo. Nó được thể hiện qua hàng trăm di tích lịch sử văn hoá; hệ thống các nhà bảo tàng, lăng tẩm, đền chùa miếu mạo; những pho sách tư liệu phong phú và quý giá, những kinh nghiệm trong lao động sản xuất, chiến đấu và sinh hoạt được lưu truyền sâu rộng trong nhân dân, truyền thống dân tộc được thể hiện ở các đặc trưng văn hóa, văn học nghệ thuật, lối sống... nó cũng bao hàm những vấn đề tâm lý dân tộc và được thể hiện trong văn học dân gian, ca dao tục ngữ, dân ca, truyện tiểu lâm Việt Nam...

Ông cha ta đời này qua đời khác đã coi trọng việc xây dựng những truyền thống tốt đẹp và chuyển giao nó cho các thế hệ con cháu mai sau. Do vậy, việc giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ là một vấn đề mà xã hội và các nhà giáo dục cần quan tâm.

Con đường giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ: Nhà trường, xã hội và gia đình cần giáo dục cho thế hệ trẻ truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, đoàn kết, thương yêu đùm bọc lẫn nhau, truyền thống hiếu học, tinh thần tôn sư trọng đạo bằng cách tổ chức cho học sinh tiếp xúc các nhân vật lịch sử, tham quan du lịch các khu

di tích lịch sử văn hoá. Giáo dục truyền thống thông qua hệ thống thông tin đại chúng, qua các loại hình nghệ thuật, qua các tác phẩm văn học nghệ thuật...

Giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ cần phải bồi dưỡng và giáo dục những truyền thống tốt đẹp, tiến bộ của dân tộc. Phải giúp cho thế hệ trẻ kế thừa và phát triển những truyền thống đó một cách sáng tạo. Bên cạnh việc giáo dục truyền thống tốt đẹp cho thế hệ trẻ, cần phải giáo dục cho thế hệ trẻ có thái độ đấu tranh xoá bỏ những truyền thống, phong tục tập quán xấu, đồng thời xây dựng và phát triển những truyền thống mới. Việc chống lại những truyền thống, phong tục lạc hậu ta không nên sử dụng sức mạnh quyền lực, không nên dùng bạo lực để áp đảo, mà chủ yếu là phải biết tuyên truyền giáo dục từ từ. Việc xoá bỏ những truyền thống xấu lạc hậu là một công việc rất khó khăn, phức tạp đòi hỏi phải được tiến hành trong thời gian dài, không nên nóng vội.

2. CÁC QUY LUẬT HÌNH THÀNH TÂM LÝ XÃ HỘI

2.1. Quy luật kế thừa

Khi nói đến tính kế thừa, người ta thường nói tính kế thừa sinh vật, tức là truyền lại những đặc điểm giải phẫu sinh lý từ đời này sang đời khác nhờ “gien”. Bên cạnh đó còn có tính kế thừa xã hội - lịch sử, tức là truyền từ đời này sang đời khác những phương tiện sinh hoạt vật chất, nền văn hóa tinh thần. Sự kế thừa tâm lý xã hội là một hiện tượng phức tạp, chúng không phát triển theo quy luật di truyền mà theo quy luật xã hội.

Tính kế thừa xã hội được hiểu như là sự truyền đạt từ thế hệ này sang thế hệ khác những giá trị vật chất (như công cụ lao động, đồ dùng, công trình văn hóa ...) và những giá trị tinh thần (kinh nghiệm sản xuất, truyền thống, phong tục tập quán...) Sự kế thừa tâm lý xã hội của ông cha ta không phải dưới hình thức có sẵn mà bằng hoạt động sáng tạo của mình, thế hệ sau kế thừa tâm lý, kinh nghiệm của thế hệ trước có chọn lọc, cải biến, bổ sung vào những cái mới.

Sự kế thừa tâm lý ở các lứa tuổi khác nhau không giống nhau

- 1) Mẫu giáo (3-6): Hoạt động chủ đạo : vui chơi (trung tâm là trò chơi đóng vai theo chủ đề). Để phát triển, để nên người, *đưa trẻ*

phải tự hoạt động để lĩnh hội kinh nghiệm xã hội - lịch sử. Hoạt động không chỉ là nơi tâm lý con người được bộc lộ mà chính là cái hình thành nên tâm lý của con người.

- 2) Tuổi nhi đồng (6-11): tiếp nhận một cách vô điều kiện tâm lý của người lớn.
- 3) Tuổi thiếu niên (11-15): Có thái độ phê phán cái đã có mặc dù chưa hẳn các em đã đưa ra được lý lẽ xác đáng để bảo vệ quan điểm của mình. Nhưng mặt khác các em lại sao chép bắt chước cách xử sự của người lớn mà các em cho là có uy tín.
- 4) Tuổi thanh niên (15- 5): chỉ tiếp thu cái gì mà chúng cho là tiến bộ. Thanh niên muốn tự vạch kế hoạch về đường đời, xác định cho bản thân những quan điểm sống và có cách đánh giá riêng.
- 5) Tuổi trưởng thành (5- 60): Ở tuổi này, phần nhiều là điều chỉnh lại những điều mà bản thân mình đã hình thành trong tuổi thanh niên. Với những tiêu chuẩn hoàn hảo hơn.
- 6) Tuổi già (sau 60) : Người ta bắt đầu suy nghĩ nhiều hơn đến việc giữ gìn những điều mà họ đã kế thừa. Thời kỳ này họ thường sinh ra bảo thủ. Họ có thói quen đứng trên lập trường cũ kỹ để xét đoán mọi thứ và đòi hỏi người khác phải phục tùng vô điều kiện những chuẩn mực cũ trong sinh hoạt, trong suy nghĩ.

2.2. Quy luật lây lan

Sự lan truyền tâm lý là sự ảnh hưởng của **cảm xúc**, của **tâm trạng** từ người này sang người kia. Là sự **lan truyền cảm xúc** khi con người tiếp thu trạng thái cảm xúc của người khác.

Sự tiếp xúc trực tiếp trong câu lạc bộ, giảng đường,...buộc con người phải trải qua những xúc động chung, tâm trạng chung. Đó là hiện tượng “**vui lây**”, “**buồn lây**”. Niềm vui lan truyền thì niềm vui tăng lên, còn nỗi buồn được chia sẻ thì vơi đi.

Sự lây lan tâm lý có thể diễn ra một cách từ từ, có thể diễn ra theo kiểu bùng nổ.VD: một thời trang lúc đầu chỉ thấy vài người mặc, sau đó lan truyền phạm vi rộng lớn.

Sự lan truyền diễn ra theo kiểu bùng nổ khi con người rơi vào **tâm trạng căng thẳng** cao độ về tinh thần, về **xúc cảm**. Trong trường hợp đó ý thức yếu đi họ khó tự chủ được bản thân và bị rơi vào trạng thái buộc phải thực

hiện một cách máy móc.

Sự lây lan tâm lý là do tính xã hội của con người quy định. Người ta thường có tâm lý làm theo tập thể, làm theo tâm lý chung của nhiều người. Ví dụ: hiện tượng hoảng loạn của đám đông, cơn bốc sex trên sàn nhảy, cổ vũ vận động viên trên sân vận động.

Các nhà TLH Nhật bản xác nhận rằng:

- ✓ Một người thợ có tâm trạng bình thường mỗi ca làm việc trung bình được 100% khối lượng công việc định mức. Nếu họ mang một **tâm trạng căng thẳng** nào đó thì chỉ làm được 80% định mức và sản phẩm làm ra bị phế phẩm tăng lên 5 lần.
- ✓ Tâm trạng người đó sẽ lan truyền sang 8 đến 10 người công nhân khác ở xung quanh, khiến số phế phẩm của cả kíp thợ tăng lên, năng suất lao động giảm đi.

Nhà giáo dục A. X. Macarencô cho rằng: Trong tập thể lao động bao giờ cũng phải giữ một bầu không khí tâm lý phấn khởi lạc quan, dễ chịu. Trong tập thể phải có thành viên vui nhộn, tài hài hước, có sự tương hợp tâm lý. *Một nhà sư phạm tài năng không có quyền có nét mặt ủ rũ, chán chường, cău giận khi làm việc với học sinh, cho nên biết làm chủ tâm trạng của mình.* Trong thực tế ta thấy trẻ em dễ bị nhiễm những tác động khách quan bên ngoài nhất là những thói hư tật xấu. Để ngăn chặn những thói hư tật xấu đó cần phải xây dựng lối sống tốt đẹp cho mọi người. Phải hình thành ở trẻ một bản lĩnh để chống lại những gì lai căng, kệch cỡm trái với đạo lý của người Việt nam. Muốn vậy nhà giáo dục phải hiểu được tâm lý của tuổi trẻ để có hướng phát triển đúng đắn.

2.3. Quy luật bắt chước

2.3.1. Khái niệm: Bắt chước là sự tái tạo, lặp lại các hành động, hành vi, tâm trạng, cách suy nghĩ ứng xử của một người hay của một nhóm người nào đó.

Bắt chước là một phương thức đặc trưng nhất để trẻ em nhận thức thực tế là một thuộc tính cơ bản của nhân cách đang phát triển. Con người không chỉ bắt chước **hành động** mà còn bắt chước cả **tư duy** và **quan điểm** của người khác nữa.

Trong cuộc sống bắt chước thường được thể hiện trong cách ăn mặc, trẻ

em bắt chước lẫn nhau, bắt chước người lớn, người lớn bắt chước lẫn nhau, **xã hội loài người bắt chước giới tự nhiên**. Trong sự phát triển tâm lý con người, người ta đặc biệt chú ý đến vai trò của bắt chước các nhà tâm lý học, cho rằng bắt chước có tính chất **vô ý thức**, nó là sự sao chép một cách máy móc các phản ứng bề ngoài của những người khác

2.3.2.Sự bắt chước là một thuộc tính phức tạp của con người với tư cách là một **thực thể của xã hội**, nó biểu lộ nhu cầu của đứa trẻ muốn có quan hệ tích cực với mọi người. Sự bắt chước diễn biến qua nhiều giai đoạn và phát triển từ sự **sao chép mù quáng** đến **sự bắt chước có ý thức**, có lựa chọn và có động cơ thúc đẩy.

Ở lứa tuổi khác nhau thì sự bắt chước cũng khác nhau như: **Tuổi sơ sinh, hài nhi**: tính bắt chước vô cùng ít.

Tuổi vườn trẻ: sao chép nguyên si những điều quan sát được.

Tuổi mẫu giáo: đã biết **cải biên** trong bắt chước.

Tuổi nhi đồng: bắt chước có **ý thức**, có chọn lọc.

Tuổi thiếu niên: mang tính **lựa chọn**.

Hiệu quả của sự bắt chước còn phụ thuộc vào tâm thế của chủ thể và nhóm người mà họ chịu ảnh hưởng có uy tín để mức nào đó đối với họ. Nhờ sự bắt chước mà con người có thể trở nên tử tế, tốt bụng với nhau hơn. Sự chứng kiến những hành động hào hiệp có thể đánh thức lòng nhân ái và tinh thần tương trợ lẫn nhau. Tuy nhiên, một cái gì đó bắt chước nhiều lần sẽ trở thành thói quen, những thói quen xấu rất khó sửa. Người lớn khuyến khích các em bắt chước những lời nói hay, cử chỉ đẹp, hành động đúng và ngăn chúng bắt chước những việc làm không hay, không hợp với lứa tuổi của mình. Trong giáo dục, giảng giải thuyết phục để học sinh bắt chước điều hay lẽ phải đã khó; sưu tầm và biểu dương những gương sáng để học sinh noi theo cũng rất khó; tự mình làm những điều tốt đúng như mình nói, mình nghĩ để học sinh làm theo, điều này vô cùng khó. Do đó nếu nhà giáo dục nêu được gương sáng cho học sinh thì lại càng quý và nói cho đúng đó là yêu cầu nghiêm ngặt đối với nhà giáo dục.

2.4. Qui luật tác động qua lại

Sự phản ánh điều kiện xã hội lịch sử và sự lĩnh hội nền văn minh của nhân loại được diễn ra thông qua việc tác động qua lại giữa người với người trong quá trình giao tiếp.

Trong **quá trình tác động lẫn nhau** những **cảm xúc** của người này sẽ được lắng dịu hoặc tăng cường lên do những **cảm nghĩ**, rung động và cách xử sự của người khác.

Các Mác đã nói: **“Con người tự nhận thức và tự đánh giá mình trên cơ sở nhận thức những người khác”**. Sự ảnh hưởng lẫn nhau về tình cảm trong quá trình giao tiếp của nhóm xã hội tạo ra **tâm trạng lạc quan** phần khởi hay ngược lại.

Mức độ ảnh hưởng lẫn nhau giữa các **cá nhân** còn phụ thuộc vào nhiều thuộc tính của họ: một người càng có uy tín đối với những người khác bao nhiêu thì ảnh hưởng của người đó đối với toàn nhóm càng lớn bấy nhiêu. Ngược lại, **mức độ ảnh hưởng** của tâm lý tập thể đối với một cá nhân tùy thuộc vào uy tín của tập thể dưới con mắt của cá nhân ấy.

Trong quá trình **tác động qua lại** giữa người với người trong giao tiếp nếu chỉ xác định nội dung của nó không thôi thì chưa đủ, mà điều cơ bản còn phải đề cập đến **phương thức tác động** lẫn nhau bằng cách thông báo, truyền tin, thuyết phục, ám thị và nêu gương...

Nhờ **tác động qua lại** mà mỗi học sinh đều thấm nhuần tâm lý của tập thể lớp học, nhóm bạn bè. Cho nên, một **học sinh được giáo dục tốt** khi bị rơi vào tập thể chưa tốt, mất đoàn kết cũng dần dần chịu ảnh hưởng. Ngược lại, một **học sinh chưa thật ngoan** khi gia nhập tập thể lớp tốt cũng sẽ được cải tạo dần dần.

Trong đời sống thực tế con người chịu nhiều ảnh hưởng rất khác nhau. Giữa những luồng **tác động** như vậy, người ta sẽ chọn lấy những **tác động** nào phù hợp với vốn tâm lý của cá nhân mình, phù hợp với những yêu cầu phát triển của mình cũng như với những mục tiêu và những nhiệm vụ của cuộc sống.

3. QUAN HỆ XÃ HỘI VÀ QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH

QUAN HỆ XÃ HỘI

Các-Mác: **“Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội”**. Các mối quan hệ đó quy định bản chất xã hội của cá nhân. Nhân cách là sản

phẩm của mỗi quan hệ xã hội đồng thời là người sáng tạo và xây dựng mỗi quan hệ đó. Vì vậy, muốn nghiên cứu TLHXH phải nghiên cứu các mối quan hệ xã hội. Trong mỗi quan hệ có: quan hệ cá nhân - cá nhân, cá nhân những người khác. Trong mỗi quan hệ đó cá nhân đóng vai trò chủ thể. Mọi cá nhân đều có quan hệ với người khác theo một cách nào đó với bố mẹ, anh chị em, bạn bè.

Như vậy, bất kỳ cá nhân nào cũng ở trong một nhóm xã hội nhất định và có vị trí nhất định trong nhóm.

3.1. Khái niệm quan hệ xã hội

Quan hệ xã hội là quan hệ giữa các cá nhân với tư cách đại diện cho nhóm xã hội, do xã hội quy định một cách khách quan về vai trò của mỗi cá nhân trong nhóm.

Ví dụ: Quan hệ giữa: thủ trưởng - nhân viên, bác sĩ - bệnh nhân, thầy giáo - học sinh, người bán hàng - khách hàng, cha - con...

Với tư cách là thành viên của một nhóm, một tập thể, cá nhân phải thực hiện các vai trò do xã hội quy định. Các vai trò đó được thực hiện theo từng chức năng mà cá nhân đảm nhiệm. Chẳng hạn, một người 13 tuổi có thể có nhiều vai trò khác nhau: là con, là anh, là em, là học trò, là đội viên, là lớp trưởng ... Trong mỗi quan hệ xã hội, các vai trò do xã hội quy định các cá nhân phải thực hiện các vai trò đó theo chức năng của mình. Vì vậy, vai trò xã hội trở thành vai trò của cá nhân cụ thể.

3.2. Quá trình hình thành mỗi quan hệ

3.2.1. Quá trình tham gia của cá nhân vào mỗi quan hệ xã hội

Bản chất xã hội của con người được hiểu con người như một thực thể tồn tại với những người khác. Con người không thể sống độc lập, mà phải dựa vào người khác để mà sống, có nghĩa là hợp tác với những người khác để có thể tồn tại trong xã hội. Ví dụ: Người buôn bán phải có người sản xuất ra hàng hóa và người mua hàng. Mỗi người đều cần ở người khác để thực hiện mục đích của mình.

3.2.2. Sự gắn bó của cá nhân trong mỗi quan hệ xã hội

Sự gắn bó là sự liên hệ về mặt tình cảm nối liền hai cá nhân với nhóm xã hội thông qua sự thừa nhận giá trị và tầm quan trọng của người này đối với người kia hoặc đối với nhóm xã hội. Sự gắn bó xuất hiện như

một hành vi tương tác nhằm thiết lập mối quan hệ với những người quan tâm chăm sóc tới họ. Chẳng hạn như sự gắn bó của trẻ đối với mẹ là núm lấy áo mẹ, cười khóc với mẹ... Đây là hình thức cấu trúc đầu tiên của mối quan hệ xã hội giữa đứa trẻ với mẹ của nó, đó là quan hệ tình cảm.

3.2.3. Xã hội hóa cá nhân trong mối quan hệ xã hội

Xã hội hóa là một quá trình luyện tập và hòa nhập của các cá nhân vào xã hội. Con người và con vật muốn tồn tại phải được thỏa mãn những nhu cầu cơ bản của cơ thể như: ăn uống, không khí, tự vệ, tồn tại tại nơi giống... Hành vi của con người và con vật khác nhau: con vật chịu sự chi phối của cơ chế bẩm sinh, còn hành vi ở con người thì cơ chế bẩm sinh không đủ để điều chỉnh mà phần lớn được điều chỉnh bằng con đường luyện tập. Do đó quá trình luyện tập và hòa nhập là cơ sở của xã hội hóa. Con người sinh ra được xã hội hóa để thành cá nhân có nhân cách. Quá trình này như là sự thích nghi của con người từ bé đến khi trưởng thành. Sống trong tập thể, trong nhóm xã hội mỗi cá nhân không chỉ tiếp nhận ảnh hưởng của xã hội một cách thụ động mà có vai trò chủ động, cá nhân phải tích cực tác động vào xã hội để cải tạo xã hội theo mục đích phát triển của cá nhân. Như vậy, xã hội không phải là tác động một chiều xã hội tác động đến cá nhân mà còn cá nhân tác động đến xã hội. Trong quá trình tương tác giữa cá nhân và xã hội thì cá nhân dần dần thích nghi với các chuẩn mực, những giá trị của nhóm xã hội để tự điều chỉnh bản thân mình và hoà nhập vào các mối quan hệ xã hội.

QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH

3.1. Khái niệm

Quan hệ liên nhân cách là quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với cá nhân trên cơ sở của những cảm tình và sự đồng nhất với nhau ở một mức độ nhất định.

Quan hệ liên nhân cách gồm có các đặc điểm sau:

Quan hệ liên nhân cách diễn ra trên cơ sở quan hệ tình cảm trong nhóm.

Những người tham gia vào quan hệ liên nhân cách vừa thực hiện vai trò của cá nhân trong nhóm và vai trò xã hội của nhóm

Trong quan hệ liên nhân cách còn có các quá trình hiểu biết lẫn nhau, có sự tương tác với nhau và sự tác động qua lại với nhau.

Như vậy, bên trong mỗi quan hệ xã hội tồn tại mỗi quan hệ liên nhân cách.

3.2.Những yếu tố tâm lý xã hội của quan hệ liên nhân cách

3.2.1.Sự gần gũi

Mỗi quan hệ liên nhân cách thường diễn ra trên cơ sở sự gần gũi về thể chất, địa lý, tâm lý, sự thân thuộc. Những công trình điều tra về việc chọn vợ chồng của Girard (1974) đã chứng minh rằng: các cuộc hôn nhân thường được kết hợp giữa những người có cùng một nguồn gốc địa lý, khoảng cách địa lý càng gần nhau thì càng dễ thiết lập mối quan hệ liên nhân cách (thứ nhất cự ly, thứ nhì cường độ). Một số công trình nghiên cứu cho thấy khoảng cách địa lý càng gần thì càng có nhiều mối quan hệ liên nhân cách. Người gần nhau có quan hệ liên nhân cách hơn những người ở xa nhau. Sự gần gũi tạo điều kiện cho mỗi quan hệ liên nhân cách bền chặt hơn và thân thuộc hơn.

3.2.2.Sự giống nhau và khác nhau

Sự giống nhau tương đối về quan điểm, về lợi ích, về sở thích và cách giao tiếp dễ hình thành mối quan hệ liên nhân cách. Các cá nhân có xu hướng tìm kiếm những người giống mình trong những người khác. Mặt khác sự bổ sung cho nhau cũng quan trọng để thiết lập mối quan hệ liên nhân cách. Đối với một số người sự hấp dẫn về tài và đức của họ có thể bổ sung cho những thiếu sót của mình là điều kiện để thiết lập mối quan hệ. Như vậy không chỉ sự giống nhau mà còn sự khác nhau cũng là điều kiện phát triển mối quan hệ liên nhân cách.

3.2.3.Sự tương tác

Tương tác là sự tác động lẫn nhau của các cá nhân nhằm thực hiện những hoạt động đồng thời với mục đích nào đó của nhóm.

Hoạt động tương tác có đặc điểm sau:

+ Những người tham gia hoạt động ở cùng không gian, thời gian. Nhờ vậy mà các cá nhân trực tiếp tác động qua lại lẫn nhau, trao đổi những thông tin, tư tưởng, tình cảm lẫn nhau

+ Có mục đích và lợi ích chung cho mọi thành viên.

+ Có tổ chức, có lãnh đạo, có sự phân công giữa thành viên.

+ Trên cơ sở hoạt động đồng thời hình thành mối quan hệ liên nhân cách.

Trong quá trình thực hiện hoạt động chung các thành viên tác động lẫn nhau, trao đổi thông tin, tư tưởng tình cảm, cùng tổ chức vạch kế hoạch hành động chung. Có hai loại tác động cơ bản là: tác động để cạnh tranh và tác động để hợp tác. Trong đó tác động theo hướng hợp tác là biểu hiện theo hướng tốt, đó là quan hệ giúp đỡ lẫn nhau trong hành động.

3.2.4.Thân phận

Trong mối quan hệ liên nhân cách, cá nhân nhận thức được mình và có biểu tượng về bản thân mình, biết được vị trí của mình trong mối quan hệ với người khác ở một bối cảnh nhất định được gọi là thân phận.

3.2.4.1.Đặc trưng của thân phận

- Xác định mình là ai, có vị trí như thế nào trong nhóm xã hội. Đó là sự tự đánh giá về bản thân, là hình ảnh về bản thân mình để thực hiện cái mình muốn đạt tới.

- Sự bày tỏ bản thân mình ra bên ngoài nhằm khẳng định sự khác biệt của bản thân mình với người khác, nhằm tạo ra hình ảnh tốt của bản thân với người khác. Sự bày tỏ hình ảnh bản thân thành công sẽ tạo hình ảnh tích cực ở người khác. Khi hình ảnh bản thân mình không ăn khớp với hình ảnh bản thân mình đã có ở người khác thì gây ra sự căng thẳng trong mối quan hệ liên nhân cách.

3.2.4.2.Sự phụ thuộc của bản thân vào xã hội

- Thân phận được xác định bởi vị trí cá nhân trong hệ thống xã hội nhất định như về đất nước, chủng tộc, tôn giáo, đảng phái, nhóm tập thể...nó in đậm nét lên cách sống, nếp nghĩ tạo nên hành vi xã hội của cá nhân. Điều đó tạo nên những thân phận điển hình. Chẳng hạn khi nghiên cứu thân phận của người da đen cho thấy rằng thân phận của họ không chỉ gắn liền với sự đánh giá của người da trắng mà còn gắn liền với sự đánh giá khác nhau trong nhóm những người da đen. Sự đánh giá trong nhóm tộc người da đen cao hơn sự đánh giá của người da trắng về người da đen.

Như vậy, giá trị tương tác của thân phận xã hội còn phụ thuộc

vào nhóm xã hội nhất định với những giá trị nội tại do nhóm đó tạo ra.

Thân phận còn phụ thuộc vào giới tính vì sự đánh giá thân phận của người đàn ông và đàn bà lớn tuổi có sự khác biệt. Chẳng hạn ở người đàn ông lớn tuổi càng tự tin, càng thỏa mãn, càng có thẩm quyền và địa vị. Đối với người phụ nữ có ý thức tiêu cực hơn về bản thân mình, vì họ cho rằng những nét hấp dẫn về giới tính của họ bị giảm đi. Họ còn tỏ ra cam chịu và phục tùng hơn trong mối tương tác gia đình và xã hội

3.2.4.3.Sự thay đổi thân phận

Thân phận của mỗi người không cố định mà có thể thay đổi do sự cố gắng của bản thân. Cá nhân có thể tự thay đổi thân phận của mình, tự mình tìm ra con đường tiến thân cho hiệu quả nhất, như việc chọn nghề, chọn trường học, chọn bạn trăm năm...đó cũng là con đường để thay đổi thân phận. Nhưng cũng có những người an phận, họ không muốn thay đổi, thường yên tâm với số phận. Những người đó thường nghèo nàn về mối quan hệ liên nhân cách và có thái độ bàng quan với cuộc đời.

Thân phận của cá nhân được hình thành từ tuổi thơ ấu sang tuổi trưởng thành. Các nhà TLHXXH đã chứng minh điều đó và thấy rằng thân phận được hình thành theo những cơ chế như: Cơ chế đồng nhất hoá; ảnh hưởng của những qui chiếu xã hội; các quá trình đánh giá cá nhân và sự ứng tác.

Đứng trước những tác động của xã hội, thân phận là một quá trình hoà nhập của cá nhân vào mối quan hệ liên nhân cách. Mỗi cá nhân tự xác định mình là ai, có hiểu biết về bản thân mình, lý giải về nó và trao đổi với môi trường xung quanh mình.

4. QUAN HỆ LIÊN NHÂN CÁCH TRONG XÃ HỘI VÀ TRONG NHÀ TRƯỜNG

4.1. Quan hệ liên nhân cách trong xã hội

4.1.1. Tình bạn trong quan hệ liên nhân cách

F.Ăngghen viết: “Tình bạn là tình cảm sâu sắc nhất, trong sạch nhất, là sự hy sinh tất cả, sự gần gũi về giao tiếp về tinh thần. Nó không

phải chỉ là niềm vui và hạnh phúc, mà còn là sự thử thách, một trách nhiệm về nghĩa vụ nặng nề.”

Tình bạn được thể hiện ở những điểm sau:

- Tình bạn là một nhu cầu tinh thần của tuổi trẻ cũng như của mọi người, tình bạn có ở những người cùng giới và khác giới. Mỗi con người đều có nhu cầu tình cảm giao tiếp với nhau. Theo Balzac: *mỗi tâm hồn cần hấp thụ tình cảm của một tâm hồn khác, biến nó thành tình cảm của mình để trả lại cho người ta phong phú hơn xưa, không có sự trao đổi thứ tình cảm đẹp đẽ ấy thì nó quần quai chết mòn.* Trong những nhu cầu đó thì nhu cầu về tình bạn là nhu cầu hấp dẫn của tuổi trẻ, nhu cầu này có từ thuở ấu thơ. Trẻ từ 4 - 6 tuổi đã có nhu cầu giao tiếp với bạn cùng tuổi, trẻ bắt đầu chọn bạn và thường chọn bạn trong tập thể học tập, trong nhóm bạn vui chơi. Khi ở tuổi đầu thanh niên thì yêu cầu về tình bạn phải là người hòa hợp với nhau về tính tình, lý tưởng, quan điểm, tức là sự hòa hợp với nhau về mặt tâm lý hơn là sự gần gũi không gian

- Tình bạn là một tình cảm cao thượng. Tình bạn không phải bằng lý trí mà trước hết là một loại tình cảm đặc biệt của con người dựa trên cơ sở kết thân tự nguyện, có sự đồng cảm với nhau, quý mến nhau mà hai bên đều cảm thấy có nhu cầu giao tiếp với nhau về mặt tinh thần. “Tình cảm đầu tiên xuất hiện ở con người trẻ tuổi được giáo dục chu đáo là tình bạn chứ không phải là tình yêu” (J.J.Rutxô).

Tình bạn của tuổi trẻ dựa trên cơ sở của sự thân tình, thái độ chân thành quý mến lẫn nhau. Họ thổ lộ với nhau những điều mà chỉ họ mới có thể nói được. Người bạn chính là cái tôi thứ hai, họ tự nguyện đến với nhau cùng chia sẻ những rung cảm của nhau, mỗi người đều cảm thấy người kia là sự cần thiết đối với mình.

Nếu đặc trưng của tình yêu là sự chung thủy thì đặc trưng của tình bạn là thái độ chân thành. Tình bạn chân thành là phải biết tôn trọng cá tính, hứng thú và sở thích riêng của nhau. Có lòng chân thành thì tình bạn luôn luôn được cởi mở, không có hổ ngại cách ngôn ngữ, giữa họ luôn có sự thông cảm quý mến nhau, không tính toán vụ lợi... A.L. Klulốp viết: *“Hãy chọn bạn cho kỹ. Nếu lòng vụ lợi ẩn nấp dưới mặt nạ của tình bạn thì nó có thể đào hố chôn bạn mà thôi”*.

4.1.2. Tình yêu trong quan hệ liên nhân cách của những người khác giới

Tình yêu là sự rung cảm của hai trái tim khác giới, là sự hòa hợp giữa hai tâm hồn có nhu cầu về sự giao tiếp tinh thần cũng như tình dục lẫn nhau. Tình yêu nam nữ là vấn đề muôn thuở mà thời nào người ta cũng bàn đến. Có người đã cho rằng: tình yêu là tín ngưỡng của loài người không bao giờ bị hủy diệt. *Trên thế gian này chẳng có vị thần nào đẹp hơn thần mặt trời, chẳng có ngọn lửa nào kỳ diệu hơn ngọn lửa tình yêu (M.Gorki). Biểu hiện đầu tiên của tình yêu chân thật ở người con trai là sự rụt rè, còn ở người con gái là sự táo bạo (Victor Hugo).*

Có bao nhiêu trái tim là có bấy nhiêu cách yêu đương, vì vậy việc khám phá ra tình yêu luôn luôn là vấn đề mới mẻ và phong phú. Tình yêu là loại tình cảm say mê, chân thành, mạnh mẽ, sâu sắc, thơ mộng, trong sáng, trữ tình. Đặc điểm của tình yêu là sự hiến dâng cho nhau, đồng thời cũng là sự chiếm giữ đối tượng được yêu. Khi yêu ai cũng muốn được chăm sóc người yêu, muốn được vừa lòng người yêu và đặc biệt muốn được mình xứng đáng hơn so với người yêu. Mỗi người đều cảm thấy mình phải hoàn thiện hơn về nhân cách.

Tình yêu là loại tình cảm đẹp đẽ và phức tạp nên nó có tính chất pha trộn: yêu thương pha lẫn giận hờn, vui và buồn, hạnh phúc và đau khổ, lo âu và tự hào... *“Được giận hờn sung sướng biết bao nhiêu.”* (Xuân Diệu). Hoặc N.Ostropxki đã viết: *“Cái cao quý nhất là tình yêu, cái ích kỷ nhất cũng là tình yêu”*. Ghen tuông là căn bệnh, tình yêu là khỏe mạnh. Tâm hồn non nớt thường nhầm lẫn hai trạng thái này, hoặc cho rằng tình yêu càng lớn, ghen tuông càng mạnh - thực ra, chúng gần như không tương thích; cảm xúc này thường không để lại chỗ cho cảm xúc kia.

Trong tình cảm nói chung và trong tình yêu đôi lứa nói riêng đều đượm màu sắc chủ quan theo kiểu *“Thương nhau cau sáu bổ ba. Ghét nhau cau sáu bổ ra làm mười”*. Trong tình yêu *“Một người đang yêu có hai trạng thái: hoặc là không nghi ngờ gì hết, hai là nghi ngờ tất cả.”*- Balzac

Mỗi tình đầu của nam nữ thanh niên được biểu hiện bằng những cảm xúc mới lạ. Khi yêu con người bỗng thấy mình có những cảm

xúc kỳ lạ, cảnh vật xung quanh bỗng trở nên đáng yêu lạ thường. Họ yêu tất cả mọi người, ngay cả những người trước kia họ không cảm tình, yêu tất cả cảnh vật, cảnh vật được nhuộm màu sắc xúc cảm của tình yêu. Tình yêu ban đầu của thanh thiếu niên thường lẫn lộn với tình bạn bè. Bên cạnh sự âu yếm ngây thơ, những cái nhìn trêu mếu, những câu hỏi lập lờ, ngượng ngùng, lúng túng, tiếng gõ cửa rụt rè, hồi hộp. Sức hút của mỗi tình đầu ở chỗ những người yêu nhau không biết sẽ có một ngày kết thúc. Người ta chỉ yêu một lần thôi: Đó là mối tình đầu. Còn những mối tình tiếp theo chỉ là miễn cưỡng (La Bruye). Tình yêu ban đầu đẹp đẽ, thơ mộng nhưng ít khi thành công, nếu có sự giúp đỡ của những người đi trước, mối tình này sẽ phát triển lành mạnh trở thành hôn nhân.

Mũi tên của thần ái tình có khả năng chiến thắng mọi lý lẽ, lời khuyên dù là khôn ngoan nhất - theo thần thoại Hy Lạp cổ. Bên cạnh đó, có những người đủ lý trí để chiến thắng mũi tên của thần ái tình, họ biết cân đo, đong đếm trong tình yêu để mưu cầu hạnh phúc. Nhận thức của mỗi người đều có hai phần không thể tách rời: **ý thức và tiềm thức**. Trên thực tế, hai cấp độ nhận thức này hết sức gần gũi nhau và không ngừng tương tác lẫn nhau. Nói một cách khác, chức năng của ý thức bao gồm những gì chúng ta nhận biết một cách tự giác, tự nguyện và hiểu rõ "một cách có ý thức" rằng nên làm, dựa trên cơ sở nhận thức lý tính, tri thức, giá trị, lô-gíc và các giác quan thông thường. *Ý thức cho phép lựa chọn những lĩnh hội, tập trung và kiểm soát được.* Ý thức giúp ghi nhớ và cho phép chi quan tâm đến những gì liên quan đến bản thân, loại trừ những thông tin không cần thiết. Ý thức cũng giúp biết dừng lại, phản ánh, suy ngẫm về bản thân và sử dụng những bài học trong quá khứ để cân nhắc những hồi đáp khác nữa, đánh giá và hình dung được hiệu quả của chúng trong tương lai. Ý thức cho phép chúng ta lựa chọn những gì chúng ta lĩnh hội, tập trung có thể kiểm soát và nhận biết; *còn tiềm thức là phần ta không thể điều khiển hay nhận biết dù nó vẫn diễn ra.* Tiềm thức ghi nhớ một cách vô thức tất cả những trải nghiệm của cuộc đời: những gì chúng ta đã từng nhìn thấy, cảm nhận hay những việc đã từng làm - những điều tốt và xấu, những niềm vui và nỗi đau. Tất cả đều được lưu trữ trong tiềm thức. Chúng ta cũng có thể tìm được trong ngân hàng ký ức khổng lồ này những niềm tin, quan điểm và truyền thống văn hóa. Tiềm thức chứa

đựng mọi thứ trong tâm trí của bạn, đó là những thứ mà bạn không ý thức được.

Khi ta yêu thích một người có thể ra lệnh cho ý thức không tính toán nhưng phần tiềm thức vẫn có những tính toán của riêng nó. Ta thường đánh đồng tính toán của tiềm thức là “tiếng gọi của trái tim” mà trái tim không phải lúc nào cũng đúng. Những phép toán tình yêu của tiềm thức lắm khi lại sai lầm. Nếu ta không sử dụng lý trí để cân nhắc lại thì tình yêu của chúng ta có thể trở thành tình yêu mù quáng. Những trường hợp có vợ đẹp, con ngoan, gia đình êm ấm mà vẫn ngoại tình, chạy theo tiếng gọi con tim là ví dụ rõ ràng nhất về sai lầm của "tiếng gọi trái tim". Yêu mà không tính toán, không những là mù quáng còn là biểu hiện của sự ích kỷ. Bởi không tính toán nghĩa là chỉ nhằm thỏa mãn phần tiềm thức của bản thân, không màng đến hạnh phúc tương lai của bao nhiêu người.

Yêu không tính toán, không để ý đến lợi ích của chính gia đình và gia đình người yêu, vì tình cảm của hai người làm cho cha mẹ, gia đình hai bên không vui, mất hạnh phúc, như thế cũng là ích kỷ. Yêu không tính toán, không cân đo trước những khó khăn có thể gặp, không tìm trước các phương án để vượt qua những khó khăn đó, cứ ngỡ rằng ta có thể vượt qua mọi khó khăn chỉ bằng “niềm tin” của tình yêu. Biết bao đôi lứa khi yêu nhau đã nghĩ vậy để rồi sau đó tan vỡ? Bởi vì “tính toán chính đáng” khi yêu là biểu hiện của một tình yêu không ích kỷ, không mù quáng. Chính sự tính toán cẩn thận khi yêu là biểu hiện của việc yêu có trách nhiệm đối với người yêu, con cái, và gia đình cha mẹ hai bên.

4.1.3.Hôn nhân và gia đình trong quan hệ liên nhân cách

4.1.3.1.Hôn nhân

Hôn nhân là một hiện tượng pháp lý, trong đó người đàn ông và đàn bà cam kết chung sống với nhau và xây dựng gia đình hạnh phúc.

Hôn nhân cũng là nhu cầu tình cảm cảm xúc, sinh lý, kinh tế của con người một cách lành mạnh. Hôn nhân tiền bộ là hôn nhân xuất phát từ tình yêu chân chính không bị ràng buộc bởi kinh tế, bởi những định kiến tôn giáo, đẳng cấp, mà họ tự nguyện quyết định hạnh phúc của mình. Sau khi kết hôn, họ cần bảo vệ hạnh phúc của mình bằng lòng tin cậy lẫn nhau, đối xử tế nhị, bình đẳng, có sự quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của nhau. Trong đó, lòng chung thủy sẽ giúp cho gia đình bền vững và phát triển.

Rất ít bậc cha mẹ cảnh báo về những vấn đề sóng gió sau hôn nhân, hiếm cha mẹ dám kể hết cho con cái những sự thật về hôn nhân bởi họ sợ hình ảnh đẹp đẽ về gia đình biến mất. Đến một ngày, khi thấy chồng/vợ mình ngoại tình, họ tưởng như bầu trời sụp đổ, không hiểu tại sao nó xảy ra, trong khi không biết một sự thật rằng: không hiểu hoặc cố tình không chấp nhận những sự thật về tình yêu và hôn nhân, tin vào tình yêu vĩnh cửu. Đây là sai lầm của hầu hết các cặp vợ chồng khi quyết định đến với nhau. Sự thật, tình yêu chỉ là một dạng cảm xúc và cảm xúc thì không bất biến. Con người chỉ thích những gì mới mẻ, những mục tiêu chưa đạt được, trong khi đó hôn nhân và cuộc sống gia đình phần lớn chính là sự lặp đi lặp lại, đó là cuộc sống. Còn một khi số phận đã đẩy hai người vốn dễ hấp dẫn nhau và gần nhau về cả không gian và thời gian, 99% sẽ không thể cưỡng lại. Bạn cưỡng lại thế nào khi gặp một người hấp dẫn, lại chia sẻ buồn vui, lại thấu hiểu, lại thông cảm hơn người bạn đời của mình? Cưỡng lại thế nào khi chờ đón bạn ở nhà là sự nhàm chán, sự căng thẳng, còn một bên chỉ toàn là niềm vui?

Nếu ai đó nói rằng họ vẫn không gục ngã trước những hoàn cảnh đầy, chắc chắn họ là một người vốn chẳng có mấy cảm xúc, và tất nhiên khó mà nói họ đang hạnh phúc. Đừng đem cái gọi là đạo lý ra để mong chống lại ngoại tình. Con người là sinh vật có cảm xúc, cảm xúc đỉnh cao nhất là tình yêu, là khác biệt nhất của con người hơn sinh vật khác là có lý trí. Vậy nên, đừng đem cái nguyên tắc đạo lý ra để ép con người không được yêu. Muốn chống lại nó, bạn phải có một tình yêu mạnh hơn, đầy cảm xúc hơn. Bạn phải duy trì được sự hấp dẫn, tươi mới trong hôn nhân, sự lắng nghe luôn thấu hiểu, thông cảm, đồng cảm, đừng trông chờ vào cái gọi là nguyên tắc về đạo lý.

Bởi vì, không được dạy về những nguyên tắc tiền hôn nhân để giữ hạnh phúc gia đình. Thực tế, duy trì được tất cả những điều đó trong hôn nhân khó vô cùng. Nó cũng thực sự là một cuộc chiến, mà lễ cưới diễn ra chính là điểm bắt đầu chứ không phải điểm kết như nhiều người lầm tưởng. Các bậc cha mẹ hãy trung thực hơn, dũng cảm hơn để dạy cho con cái mình về hôn nhân và hạnh phúc. Các cặp trai gái hãy tìm hiểu kỹ về hôn nhân, về những gì mình phải đối mặt. Hãy hiểu hơn về tình yêu và cách duy trì nó. Thậm chí, một khóa học tiền hôn nhân là rất cần thiết. Chúng ta biết trước các nguy cơ sẽ giảm thiểu rủi ro. Hãy tìm cách ngăn

chặn nó, đừng chỉ mong hoặc tin nó sẽ không xảy ra với chính gia đình mình.

Trong quan hệ vợ chồng bao giờ cũng nảy sinh sự ghen tuông. Đó là sự nghi ngờ lòng chung thủy của chồng hoặc vợ. Ghen tuông tạo cho con người có trạng thái thần kinh căng thẳng, lo lắng, buồn bã, đau khổ tức giận, luôn có tâm trạng mình yếu kém và cảm thấy mình mất mát một cái gì đó...Ghen là một trạng thái cảm xúc tâm lý của con người phản ánh những suy nghĩ mang tính tiêu cực được biểu hiện bằng cảm giác bất an, sợ hãi, và lo lắng về một sự mất mát, vượt vớ.Trong đó hai cảm xúc chủ đạo mang tính phổ biến là sự *ganh tỵ* (hay *đố kỵ*) thể hiện sự không bằng lòng về một đối tượng hoặc những kết quả, thành tích, hoạt động hoặc sự hạnh phúc, thành công của người khác thể hiện qua thái độ không vui, khó chịu, tức tối, bực bội, hậm hực, bất mãn... và một trạng thái rất phổ biến là sự *ghen tuông* trong tình yêu và hôn nhân và gia đình.

Ghen tuông bao gồm một chuỗi trạng thái cảm xúc lẫn lộn hay một loạt những cảm xúc đặc biệt mạnh mẽ như giận dữ, oán giận, bất lực và tiêu cực hơn là cảm giác coi khinh và ghê tởm với đối tượng đang hướng đến cùng những đối tượng liên quan (tình địch, người tình cũ, bạn tình...). Ghen tuông là một trạng thái tâm lý phổ quát trong mọi nền văn hóa biểu hiện qua những mối quan hệ xã hội, quan hệ gia đình, quan hệ tình yêu nam nữ. Nguyên nhân chung được cho là tâm lý thiếu tự tin nên có phản ứng phòng vệ, đồng thời nguyên nhân từ cảm giác lo sợ, tính sở hữu ích kỷ và do quá yêu đến mức mù quáng.

Về bản chất, ghen tuông hay ghen tỵ là một dạng tình cảm ích kỷ xuất hiện khi cảm thấy mình bị người khác bỏ rơi, bị coi thường, phớt lờ, bị đánh giá thấp hơn người khác. Chính vì vậy, *ghen là yêu chính bản thân mình chứ không phải là yêu người khác*. Ghen tỵ cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại bệnh như bệnh tim, tiểu đường, cao huyết áp và u nhọt, ngoài ra nó cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều nghịch cảnh, oái ăm, tan vỡ trong tình yêu, hôn nhân và gia đình và thậm chí là dẫn đến những kết quả thảm khốc, không mong muốn.

4.1.3.2.Gia đình

Là tập hợp người cùng sống chung thành một đơn vị nhỏ nhất trong xã hội gắn bó với nhau bằng quan hệ hôn nhân và dòng máu huyết thống.

Giadình gồm có: Vợ chồng, Cha mẹ, Con cái...

Đặc trưng của gia đình

Gia đình là một nhóm xã hội nhỏ nhất có từ hai người trở lên.

Nhóm gia đình bao gồm nam nữ, có quan hệ giới tính. Các thành viên trong gia đình có quan hệ huyết thống, ruột thịt với nhau. Các thành viên trong gia đình có quan hệ kinh tế với nhau: Cha mẹ nuôi dạy con cái, con cái phải có trách nhiệm phụng dưỡng cha mẹ khi về già và con cái được kế thừa tài sản của cha mẹ để lại.

Gia đình là một nhóm nhỏ vận động liên tục, có sự tác động lẫn nhau giữa các thành viên tạo ra mối quan hệ liên nhân cách trên cơ sở thương yêu lẫn nhau. Gia đình là ngôi nhà chung cho các thành viên có quan hệ ruột thịt chứa đựng những niềm vui và nỗi buồn, những thất bại và thành công, những lo âu và sung sướng, những công việc và nghỉ ngơi, những bức dọc và thư thái... Gia đình là một xã hội thu nhỏ. Gia đình là nơi giao thoa giữa xã hội và cá nhân. Cá nhân tiếp thu nền văn hoá xã hội thông qua giáo dục gia đình, đồng thời lại đưa truyền thống gia đình vào xã hội. Trong những gia đình sống không có hạnh phúc thì thường xảy ra xung đột gia đình, xung đột giữa các thế hệ sống chung ở trong gia đình.

Trong xã hội hiện đại, nhiều gia đình đang phải oằn vai gánh chịu đủ loại “thù trong giặc ngoài”: bên ngoài là yêu cầu chia sẻ thời gian với công việc, với đồng nghiệp; bên trong là những làn sóng của thế giới kỹ thuật số và các trào lưu văn hoá mới, đầy hấp dẫn nhưng vô cùng nguy hiểm.

Các sản phẩm kỹ thuật số đang trở thành vật dụng ngày càng thiết yếu và thân quen của con người, với nhiều tiện ích làm phong phú cuộc sống nhưng cũng từ đó gây ra sự lệ thuộc và sai lệch hành vi. Không chỉ trẻ em suốt ngày ôm máy chất chít, chơi game, truy cập những trang web đen, nấu cháo điện thoại, lắc lư nhún nhảy với headphone đến mức bỏ bê học tập, sa sút sức khoẻ... mà không ít người lớn thậm chí có học vị, chức sắc cao... cũng không thoát khỏi sự quyến rũ của những phương tiện cao cấp này. Họ sa đà với những trò tiêu khiển trên mạng đến mức bỏ bê trách nhiệm đối với gia đình.

Là vợ của một viên chức nhà nước, chị T buồn phiền quá đỗi khi thấy chồng suốt ngày đã bận rộn ở cơ quan nhưng chiều tối về cứ cặm cụi với laptop để truy cập các thông tin theo anh nói là “rất cần thiết cho công

việc”. Hai vợ chồng đều là giảng viên đại học, nhưng cô vợ rất khổ sở vì người chồng chỉ làm tròn nhiệm vụ ở nhà trường mà vô tư làm game thủ khi trở về nhà, mặc mọi việc gia đình cho vợ gánh vác...

Có chồng là doanh nhân, có cuộc sống kinh tế thoải mái nhưng trực giác của một người vợ đã khiến chị L theo dõi ngầm việc chồng sử dụng nhiều điện thoại với những số sim khác nhau bằng dáng vẻ khả nghi, cuối cùng sự thật đã rõ: anh đang có vài tình nhân trẻ đẹp từ cuộc trao đổi kinh doanh, tiếp thị sản phẩm với họ!

Cuộn mình trong cuộc sống đầy đủ các phương tiện hiện đại, nhiều người lầm tưởng rằng họ là kẻ khôn ngoan, thành công, biết tận hưởng cuộc sống. Nhưng chính ảo giác này đưa họ vào mê cung không lối thoát, với kết cục phải trả giá bằng sự giảm sút nhân phẩm, đổ vỡ hôn nhân, tan nát gia đình...

Hiện nay trong nhiều gia đình, việc tạo thu nhập không phải là điều khó khăn mà sự nan giải chính là làm sao cân đối giữa công việc với sức khỏe và trách nhiệm gia đình.

Nhiều người cho rằng ưu tiên cho công việc và sức khỏe là một quyết định tỉnh táo, vì đó là tiền đề gầy dựng cuộc sống gia đình. Vì vậy họ đã rời nhà từ 7 giờ sáng, trưa ở lại cơ quan dùng bữa với đồng nghiệp, thậm chí hết giờ làm còn rủ đồng nghiệp đến sân tập thể thao hoặc đi giải khuây... Nếu mức độ ưu tiên cho cá nhân quá cao thì bầu không khí gia đình sẽ tàn lụi, đến nỗi không thể nào thổi bùng trở lại khi các thành viên ngày càng xa mặt cách lòng. Nguyên nhân của sự mất cân đối đó một phần do cách tổ chức công việc và mối quan hệ đồng nghiệp của các cơ quan, đơn vị hiện nay. Nhiều gia đình khốn đốn, lo âu khi chồng hoặc vợ của họ trước yêu cầu dồn dập của công việc, buộc phải có mặt ở cơ quan nhiều hơn thời gian hiện diện trong nhà. Sự lưu lại thường xuyên ở cơ quan không chỉ làm cho gia đình trống vắng mà còn là nguy cơ dẫn đến những mối quan hệ không bình thường với đồng nghiệp, khi những bữa ăn trưa thường xuyên tại cơ quan giúp họ có dịp tiếp cận, khám phá về nhau nhiều hơn; những dịp tặng lương, lên chức, mừng sinh nhật... họ lại có cơ hội vui vẻ bên nhau để chúc tụng và thể hiện cảm tình dành cho nhau; rồi hàng năm cùng đồng nghiệp đi tham quan, du lịch... đến mức hầu như mọi cuộc vui đều không có gia đình bên cạnh sẽ chia... Nếu không tỉnh táo, sự tiếp xúc, quan tâm thường xuyên với đồng nghiệp có thể gọi nên phút giây xao lòng. Một khi “lửa đã gần rơm” thì chỉ cần một

phút giây thiếu lý trí, những đồng nghiệp này rất dễ trở thành người có lỗi với chồng, vợ và các con của họ...

Ngày Gia đình Việt Nam là dịp nhắc nhở từng thành viên giữ lấy mình, giữ lấy sự bình an, ổn định của gia đình và kiên quyết ngăn chặn những xâm hại từ sự phức tạp của cuộc sống xã hội. Muốn vậy, cần phát hiện, nhận dạng những “virus xã hội” đang ngày càng sinh sôi, phát triển trong sự ngây thơ, mê muội hoặc trong cách sống tinh táo nhưng vô cảm của con người... Bên cạnh đó, các tổ chức xã hội cũng cần chú trọng hỗ trợ gia đình thông qua việc tổ chức công việc tối ưu, tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên thực hiện tốt bổn phận gia đình, đừng vô tình để các dạng sinh hoạt của đơn vị trở thành tác nhân đe dọa, ngăn trở hoặc lấy đi sự ấm áp, yêu thương và hạnh phúc của các gia đình.

Cuộc sống liên thế hệ có sức mạnh “bắt đầu từ bên trong” cũng là thứ cách tiếp cận từ ngoài vào trong. Với cách tiếp cận này, chúng ta có được sự tin cậy và cởi mở, giải quyết sự khác biệt bất ổn có chiều sâu và lâu dài. Một gia đình có nhiều thế hệ gồm cha mẹ, con cái, ông bà cùng sống với nhau sẽ tạo nên sức mạnh siêu việt, sẽ là động lực mạnh mẽ giúp từng thành viên nhận ra mình là ai, từ đâu đến và đại diện cho cái gì. Đối với con cái sẽ tốt cho chúng có thể định hình bản thân cái chung của dòng họ. Giả sử một lúc nào đó con bạn gặp khó khăn có thể nhờ cậy cô, dì, chú, bác của nó trở thành cha hoặc mẹ đỡ đầu của chúng trong một thời điểm nhất định.

Một gia đình tam, tứ đại đồng đường là nền móng cho các mối quan hệ tương thuộc, có hiệu quả và đáng hài lòng nhất. Mỗi chúng ta đều có cội nguồn và khả năng tìm về cội nguồn. Động cơ cao nhất và mạnh nhất để làm điều đó không phải chỉ riêng chúng ta mà cho cả hậu duệ chúng ta, như ai đó đã từng nhận xét:” *Chỉ có hai di sản bền vững mà chúng ta có thể để lại cho con cháu, đó là cội nguồn và đôi cánh*”.

Lời khuyên dặn của cha mẹ với con cái

Xa gia đình, con sẽ phải học cách độc lập, trưởng thành mà ở đó người dạy con không hẳn là người thầy trên lớp, đó chính là người xung quanh con. Con có thể bán sức lao động để kiếm tiền chứ đừng bán sắc. Hãy kiếm những đồng tiền chân chính. Đừng cảm thấy xấu hổ khi con nhận làm việc gia đình giúp việc theo giờ.

Sống cùng với mọi người con phải biết giúp đỡ, quan tâm mọi người. Hãy tôn trọng sự riêng tư của nhau, ai cũng có những chuyện vui buồn. *Khi họ có tâm sự, hãy lắng nghe, đừng cho lời khuyên nếu họ không hỏi ý kiến.* Nếu kể chuyện, hãy kể những chuyện tốt, chuyện vui trong gia đình mình. Hãy thể hiện rõ lập trường, quan điểm của mình khi sống cùng mọi người. Hãy sống thật với những gì mình có, đừng kêu ca than phiền với mọi người

Ai cũng có ưu điểm nhược điểm, hãy học tập những điều tốt của mọi người. Khi người khác chỉ ra lỗi sai của mình, hãy chấp nhận với một thái độ chân thành, đừng bao giờ nêu lý do biện minh cho hành động sai trái của mình. Hãy giúp mọi người làm việc nhà, đừng ỷ lại, dựa dẫm vào người khác. Người tốt sẽ góp ý cho con, người xấu sẽ kệ con và họ sẽ đánh giá con, đánh giá về cách bố mẹ giáo dục con.

Đừng bao giờ trộm đồ của người khác. Mẹ bảo, con có thể đưa bạn bè về phòng chơi nhưng tuyệt đối không được đưa người yêu về nhà. Đừng quá dễ dãi trong các mối quan hệ trai gái. Ở trên lớp, hãy chú tâm vào học tập, hãy chơi với những người bạn có cùng chí hướng như con. Cạnh tranh trong học tập là điều tốt nhưng chỉ ở mức độ vừa chứ không nên quá. Hãy hỏi bạn bè những điều chưa hiểu và sẵn sàng chia sẻ sự hiểu biết của mình cho mọi người. Hãy chọn bạn mà chơi vì chính con người mình chứ không phải vì những đồng tiền. Hãy chọn chất lượng chứ đừng chọn số lượng. Bài học nào cũng đáng giá cả, vì vậy, hãy mạnh mẽ lên con, đừng ngại vất vả, khó khăn khi đối mặt và trưởng thành hơn sau mỗi thất bại.

4.2. Quan hệ liên nhân cách trong nhà trường

4.2.1. Quan hệ liên nhân cách giữa thầy và trò

Giáo viên và học sinh tác động qua lại không chỉ bằng hoạt động dạy và học mà còn bằng nhân cách. Thông qua các hoạt động của nhà trường giữa giáo viên và học sinh có mối thiện cảm nhất định. Nếu giáo viên nào có uy tín cao về chuyên môn, về đạo đức sẽ được học sinh có thiện cảm nhiều hơn. Nhân cách của giáo viên có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển trí tuệ, tình cảm, ý chí của học sinh, đã có nhiều học sinh lấy tấm gương thầy, cô giáo của mình làm hình mẫu lý tưởng cho cuộc đời mình.

Muốn xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa thầy - trò thì giáo viên

phải biết khéo xử sự phạm. Một mặt giáo viên phải thương yêu học sinh một cách chân thành, biết tôn trọng nhân cách học sinh, tin tưởng vào khả năng sức lực của các em. Bởi vì, giáo viên giáo dục học sinh không chỉ bằng những hành động, mà bằng chính tình thương yêu chân thật đối với học sinh, bằng chính những cảm xúc và sự cao thượng của mình. Giáo viên phải có cảm xúc trước những vui buồn, những khó khăn của học sinh để có sự đồng cảm và giúp đỡ các em để các em tiến bộ. Mặt khác, giáo viên cũng phải yêu cầu cao ở học sinh. Càng tôn trọng học sinh bao nhiêu thì càng phải yêu cầu cao bấy nhiêu. Có nghĩa là giáo viên phải tin tưởng vào học sinh, nhưng cũng phải luôn kiểm tra hoạt động của học sinh, phải nghiêm khắc đối với những học sinh vi phạm khuyết điểm. Yêu cầu cao không có nghĩa là xét nét, khó khăn và hạ thấp phẩm giá nhân cách của học sinh. Giáo viên phải có thái độ đối xử công bằng, có thái độ bình tĩnh ôn hoà, ân cần đối với các em và phải thận trọng khi đánh giá, phê bình học sinh. Không nên đánh giá các em quá thấp hoặc quá cao, cũng không nên phê bình trách mắng các em trước lớp khi chưa nghiên cứu kỹ nguyên nhân của những hành vi sai trái đó. Giáo viên phải biết xây dựng tập thể học sinh thành tập thể đoàn kết vững mạnh. Tập thể là môi trường giáo dục tốt đối với các em. Nếu giáo viên không khéo léo khi đánh giá, phê bình học sinh sẽ làm cho các em tự ái, bi quan chán nản và căm ghét giáo viên... làm cho quan hệ thầy - trò luôn có sự mâu thuẫn, hiểu lầm, ngộ nhận về nhau, ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả giáo dục.

Tình cảm thầy - trò là tình cảm cao thượng đẹp đẽ của con người. Quan hệ thầy trò là nền tảng để xây dựng những mối quan hệ liên nhân cách khác trong xã hội. Trong quan hệ thầy - trò, giáo viên phải hiểu được nhu cầu hứng thú, những tình cảm sâu kín và những nguyện vọng chính đáng của học sinh. Đồng thời, học sinh cũng phải thương yêu quý trọng thầy, cô giáo một cách chân thành, phải biết thông cảm với những cái khó khăn của giáo viên. Quan hệ thầy - trò phải trong sáng không vụ lợi.

4.2.2. Quan hệ liên nhân cách trong nhóm bạn

Trong trường, lớp học không chỉ quan hệ với thầy, cô giáo và cán bộ nhân viên trong nhà trường, mà các em còn có quan hệ với các bạn học sinh của lớp mình và ở các lớp khác. Quan hệ giữa

học sinh với nhau trên cơ sở mến phục, hợp nhau về cá tính, về sở thích và gần nhau về địa lý, từ đó các em hình thành nhóm bạn:

-Nhóm bạn mang tính tích cực sẽ góp phần trong lớp phát triển và động viên khích lệ trong học tập

-Nhóm bạn mang tính tiêu cực luôn tách rời tập thể lớp có thái độ chống đối lại tập thể.

Trong tập thể lớp và trong nhà trường có thể nảy sinh nhóm bạn học sinh phạm tội luôn tìm cách gây rối loạn trong trường: trê nghiện hút, cờ bạc, tập hợp thành băng nhóm trấn lột, trộm cắp, đua xe, tìm cách chống đối lại giáo viên... Sự xuất hiện nhóm học sinh phạm tội trong nhà trường do rất nhiều nguyên nhân. Vì vậy, nhà trường và GV cần phải tìm hiểu kỹ những nguyên nhân đó để có biện pháp giáo dục thích hợp.

4.2.3. Nguyên nhân dẫn tới trẻ phạm tội trong nhà trường

4.2.3.1. Do môi trường xã hội

Do trẻ sống trong môi trường tiêu cực đã đẩy trẻ vào con đường cùng buộc chúng phải có hành vi chống đối lại xã hội. Điều này thường thấy ở những đứa trẻ không có gia đình, cha mẹ ly dị nhau phải đi ở với người khác không được chăm sóc chu đáo của người lớn. Mặc dù, trẻ vẫn được đi học nhưng chúng cảm thấy chán nản, thất vọng khi gặp những bạn khác cùng cảnh ngộ chúng sẽ tập hợp nhau lại thành nhóm trẻ em hư.

Do hoàn cảnh xã hội tác động không đồng đều đến cá nhân, thậm chí có thể tác động đối lập với cá nhân. Điều này là do xã hội đang có sự phân cực rất lớn giữa người giàu và người nghèo; việc thực hiện luật pháp không nghiêm minh; trong nhà trường làm cho trẻ khó tiếp thu những chuẩn mực xã hội; gia đình có thái độ nóng nảy, đánh đập hay có thái độ bao che hành vi phạm tội của trẻ...

Do trẻ bị mất hết tình cảm của gia đình và luôn bị đánh giá là thấp kém trong trường, lớp, trong gia đình... Chúng thường có thái độ xa lánh thầy, cô giáo, nhà trường, bạn bè cùng lớp. Những trẻ này thường tìm cách bù đắp những thiếu hụt đó bằng cách tự khẳng định mình trong nhóm bạn bè, vì nhóm bạn là nguồn động viên an ủi duy nhất về mặt tình cảm đối với chúng. Nên chúng có thể sẵn sàng hi sinh cho nhau để bảo vệ bạn. Nếu những trẻ đó không nhanh

chóng rút ra khỏi nhóm bạn đó thì dần dần chúng sẽ thích nghi với môi trường đó và sẽ phát sinh tội phạm.

Vì vậy, để giáo dục những trẻ em phạm tội trong nhà trường thì nhà trường cần phải phối hợp công tác giáo dục ở gia đình và ngoài xã hội để có những biện pháp giáo dục cứng rắn đối với chúng và tìm cách tách chúng ra khỏi môi trường phát sinh tội phạm, hoặc cải tạo môi trường theo hướng tích cực. Mặt khác, phải làm cho trẻ thấy được vai trò, vị trí của chúng trong các mối quan hệ xã hội nhất định, tạo cơ hội cho trẻ rèn luyện và phát triển.

4.2.3.2.Sự sai lầm của gia đình

Gia đình không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con cái theo tiêu chuẩn đạo đức xã hội. Những gia đình này thường hay đặt giá trị vật chất lên hàng đầu và đánh giá thấp những giá trị văn hoá tinh thần.

Gia đình tan vỡ tạo nên sự khủng hoảng về tình cảm và niềm tin ở trẻ. Cha mẹ thường dạy bảo con cái bằng roi vọt, la mắng, chửi rủa... Trong gia đình cha, mẹ nghiện rượu, ma tuý, cờ bạc... tạo nên sự xung đột triền miên trong gia đình, làm cho trẻ mất hết chỗ dựa buộc chúng phải rời bỏ gia đình theo nhóm bạn tiêu cực.

Gia đình có sự bất đồng về quan điểm, ý kiến và phương pháp giáo dục con cái, tạo điều kiện cho trẻ có hành vi sai lệch. Ở trong những gia đình này thường có hiện tượng “trông đánh xuôi, kèn thổi ngược” làm cho trẻ không biết ai đúng ai sai và phải nghe theo ai...? Dần dần cha mẹ mất hết uy quyền đối với con cái, con cái không nghe lời cha mẹ. Xung đột đối với cha mẹ ngày càng tăng, tình cảm gia đình trở nên lạnh nhạt. Khi cha mẹ thích làm thám tử !_Quản cho chặt, thúc cho kỹ có phải là cách tốt nhất để giữ con cái tránh xa những cạm bẫy?

Mấy ngày nay, chị H. bực bội chuyện cô con gái 15 tuổi treo trước cửa phòng tắm biển “*Vào phòng nhớ gõ cửa*” và khoá chặt cửa mỗi khi ra ngoài. Tranh cãi với mẹ về vấn đề này, con chị cho rằng đó là cách tốt nhất để mẹ không xâm phạm đời tư của mình! Những nơi... nào thuộc sở hữu riêng tư hầu như cô bé đều “ghi chú” những lời nhắc nhở “*vui lòng không mở/ không đọc/ không lục tìm...*” làm bà mẹ cảm thấy rất khó chịu khi nó không chịu hiểu sự quan tâm lo lắng mình dành cho con là từ tấm lòng người mẹ. Làm cha mẹ, hầu như ai cũng luôn lo lắng cho con, nhất

là khi con vào độ tuổi dậy thì, tuổi có nhiều mối quan hệ bạn bè và tình cảm phức tạp.

Trong khi đó, giờ đây ở nhà hay bên ngoài đều có những cam bẫy rình rập con. Chính vì vậy, đây là giai đoạn cha mẹ và con cái có rất nhiều mâu thuẫn. Cha mẹ mong con độc lập và trưởng thành hơn trong cuộc sống, nhưng lại không dám rời chúng để con cái có cơ hội cọ xát thực tế. Trong khi đó, con cái độ tuổi này càng mong muốn được thể hiện cái tôi của mình, muốn được ba mẹ tin tưởng, tôn trọng hơn là bị kiểm soát, bị kèm cặp. Mong muốn của trẻ rất chính đáng khi muốn được bố mẹ công nhận và đánh giá quyền độc lập của bản thân, cho phép mình được là “*một người lớn*”.

Nhưng không phải cha mẹ nào cũng hiểu được nhu cầu của con cái. Có trẻ bị cha mẹ quản thúc quá chặt, đi đâu, làm gì mẹ cũng bám theo không rời nửa bước, đến nỗi bị bạn bè chọc là “*công tử bột, núp váy mẹ biết bao giờ mới lớn?*” X. 15 tuổi, mặc cảm là bố mẹ không hiểu mình và luôn tủi thân khi so sánh với bạn bè. Hè bạn bè được đi du lịch, hội trại vui vẻ... còn X. xin đi đâu cũng bị bố mẹ từ chối. Thậm chí X. đã phải làm một “*cuộc cách mạng*” khi huy động nhóm bạn đến xin bố mẹ cho X. về quê người bạn trong nhóm chơi vài ngày, vậy mà bố mẹ vẫn nhờ người theo dõi xem con mình trong những ngày ở quê đã chơi với ai, đi đâu, làm gì... Về đến nhà thì bố mẹ lại mở điện thoại X. để xem con đã liên lạc với ai và tra vấn tỉ mỉ như thể con mình là tội phạm!

Trẻ càng lớn lên thì cảm xúc, nghĩ suy càng thay đổi, từ chỗ thích dựa hoàn toàn vào bố mẹ sang thích mở rộng các quan hệ và nếu cha mẹ không nắm được nhu cầu này để đáp ứng hợp lý, trẻ có xu hướng tách rời khỏi cha mẹ và thậm chí ương bướng, chống đối lại. Nếu sợ con cái bị cám dỗ hay sa ngã thì cha mẹ nên định hướng giúp con có những trải nghiệm bổ ích trên cơ sở là người cố vấn, góp ý của con về các mối quan hệ. Cha mẹ nên thảo luận cùng con để đặt ra các giới hạn mà trẻ phải tuân thủ, và khi được tự do trong các ranh giới đó trẻ sẽ có cơ hội để được là người chủ động độc lập, qua đó tổng hợp được nhiều kinh nghiệm quý báu cho bản thân.

Không nên biến mình thành những thám tử đi điều tra, lục lọi, soi mói con cái. Kiểm soát, quản thúc không giúp con sống tự tin và độc lập mà ngược lại càng làm cho trẻ yếu đuối và bất ổn về mặt tâm lý, dễ nảy sinh sự đương đầu chống đối lại để thể hiện bất bình.

Nếu sợ con lao vào cám dỗ, thì cha mẹ cần giúp trẻ nâng cao năng lực nhận thức bản thân, tăng sự “miễn dịch” để chống lại những cám dỗ có hại, hơn là cứ bao bọc hoặc giám sát chặt chẽ con cái nhưng không làm cho con cái trưởng thành hơn.

Gia đình có lối sống không lành mạnh, vô đạo đức không chỉ làm hư hỏng trẻ về đạo đức mà còn làm hư hỏng về tinh thần và thể xác của trẻ. Bởi vì, khi trẻ sống trong môi trường gia đình đó thì trẻ sẽ bắt chước những hành vi phạm tội của cha mẹ chúng. Sự hư hỏng về đạo đức của cha mẹ sẽ ảnh hưởng tới tính cách của trẻ và tính cách của chúng dần dần mâu thuẫn với bạn bè cùng lớp, với thầy, cô giáo. Càng ngày chúng càng đối lập với tập thể và trẻ dễ rơi vào nhóm bạn tiêu cực để gây tội phạm. Do vậy, những trẻ này cần được sự giúp đỡ tận tình của giáo viên và các bạn bè ở trong lớp.

5. NHÓM VÀ TẬP THỂ

5.1. Khái niệm về nhóm và tập thể

5.1.1. Nhóm

Trong quá trình hoạt động sống và thực hiện các chức năng xã hội khác nhau, con người trở thành thành viên của nhiều nhóm xã hội. Nhóm là một tập hợp người trong xã hội, có mối liên hệ hoặc quan hệ nào đó đối với nhau, hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp.

Các nhóm phân biệt với nhau nhờ các dấu hiệu sau đây:

- Số lượng thành viên.
- Mục đích và nội dung hoạt động.
- Phương thức tập hợp.
- Hình thức tổ chức và xuất hiện.
- Tính chất và mức độ tiếp xúc trong quan hệ giữa các thành viên.

5.1.2. Dựa vào số lượng thành viên người ta phân ra làm hai loại nhóm sau này

- Nhóm lớn: Là những nhóm xã hội mà thành viên của chúng tuy có những điểm chung giống nhau nhưng lại không có sự hoạt động

đồng thời không có sự tiếp xúc thường xuyên, thậm chí không có một sự tiếp xúc trực tiếp nào với nhau.

Nhóm lớn là một cộng đồng xã hội người đông đảo, thống nhất theo một số dấu hiệu như: giai cấp, dân tộc, giới tính, lứa tuổi, nghề nghiệp, v.v. Một giai cấp, một dân tộc, một cộng đồng xã hội nào đó, một đảng phái, một phong trào xã hội, các cơ quan đơn vị, xí nghiệp, trường học, v.v. đều là những nhóm lớn.

- Nhóm nhỏ: Khác với nhóm lớn, nhóm nhỏ là một tập hợp người có quan hệ qua lại với nhau trong một khoảng thời gian và không gian nhất định. Ví dụ: gia đình, lớp học, tổ sản xuất, v.v... là những nhóm nhỏ.

So với nhóm lớn, nhóm nhỏ có đặc trưng nổi bật là các thành viên của nó giao tiếp trực tiếp với nhau. Chính sự giao tiếp này là cơ sở nảy sinh các quan hệ tâm lý.

5.1.3. Dựa vào nguyên tắc và phương thức thành lập, có thể chia các nhóm ra làm hai loại sau:

- Nhóm chính thức là nhóm được thành lập trên cơ sở văn bản chính thức của nhà nước, qui chế của cơ quan, xí nghiệp v.v.... Chẳng hạn, lớp học, chi đoàn, cơ quan, xí nghiệp, tổ sản xuất, v.v. đều là những nhóm chính thức. Các nhóm chính thức có một kỷ luật chặt chẽ, địa vị, vai trò của các nhóm viên được qui định thành văn bản (như điều lệ, nội qui...). Điều lệ của nhóm chính là cơ sở xác định thành phần nhóm.
- Nhóm không chính thức là nhóm được hình thành và tồn tại trên cơ sở quan hệ tâm lý giữa các thành viên: sự giống nhau về một sở thích nào đó, sự đồng cảm, sự gần gũi về quan điểm, niềm tin, v.v... Khi những yếu tố tâm lý này không còn tồn tại thì nhóm không chính thức cũng tan rã.

Trong một nhóm chính thức có thể có nhiều nhóm không chính thức. Mỗi cá nhân có thể là thành viên của một số nhóm chính thức và không chính thức.

5.2. TẬP THỂ

Mọi tập thể đều là nhóm, nhưng không phải bất kỳ nhóm nào cũng là tập thể. Tập thể là một nhóm độc lập về mặt pháp lý, có tổ

chức chặt chẽ, hoạt động theo một mục đích nhất định, phục vụ cho lợi ích xã hội vì sự tiến bộ của xã hội.

Những dấu hiệu đặc trưng của tập thể là: có những mục đích hoạt động phục vụ tiến bộ xã hội, có một tổ chức chặt chẽ tồn tại trên một địa bàn và thời gian nhất định, có các cơ quan quản lý của mình và hoàn thành các chức năng nhất định do xã hội qui định, độc lập về mặt pháp lý.

Ví dụ: Một cơ quan, một xí nghiệp, một trường học, một lớp học, v.v... là những tập thể.

Nếu một nhóm người có tổ chức chặt chẽ, nhưng chỉ hoạt động vì lợi ích riêng thì không phải là tập thể, mà gọi là phường hội.

5.2.1.Cơ cấu tâm lý - xã hội của tập thể

Cơ cấu của một tập thể là hệ thống các mối quan hệ nhất định hình thành vững chắc giữa các thành viên trong tập thể đó. Trong một tổ chức bao gồm cũng tồn tại hai dạng quan hệ: quan hệ chính thức và quan hệ không chính thức. Chính vì thế cũng có hai loại cơ cấu: cơ cấu chính thức và cơ cấu không chính thức.

5.2.2.Cơ cấu chính thức

Cơ cấu chính thức là tập hợp tất cả các mối quan hệ chính thức trong đơn vị, nó tạo nên cơ cấu tổ chức của một đơn vị và ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả hoạt động của đơn vị đó.

Cơ cấu chính thức được biểu hiện ở chỗ:

- Hệ thống tổ chức của đơn vị, chẳng hạn, trong công ty có bao nhiêu phòng ban, bao nhiêu bộ phận, chức năng của chúng được qui định ra làm sao...
- Bộ máy quản lý, tức là những cán bộ trung gian.
- Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên.
- Nội qui, qui chế của đơn vị, kế hoạch hoạt động của đơn vị...

Như vậy cơ cấu chính thức là một hệ thống các mối quan hệ được thiết lập bởi các qui chế, mệnh lệnh, chỉ thị tương ứng của các cơ quan quản lý.

Cơ cấu chính thức là yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển của tập thể. Do đó việc xây dựng cơ cấu chính thức là rất quan trọng,

là việc đầu tiên phải thực hiện trong hoạt động quản trị kinh doanh.

5.2.3.Cơ cấu không chính thức

Là hệ thống các mối quan hệ cá nhân được hình thành một cách tự phát trên cơ sở tình cảm, thiên hướng, lợi ích, thói quen và nguyện vọng. Những mối quan hệ này không thể tìm thấy trong bất kỳ qui chế, chỉ thị, văn bản nào. Ví dụ, Anh A thích chị B; chị C không chịu nổi tính chị D, v.v.

Muốn lãnh đạo tốt một tập thể, nhà lãnh đạo phải nắm vững cả cơ cấu chính thức lẫn cơ cấu không chính thức. Chính trong cơ cấu không chính thức thường diễn ra những xung đột căng thẳng, gây nên bầu không khí tâm lý nặng nề trong tập thể.

Cơ cấu không chính thức thường được thể hiện ở ba hiện tượng sau:

Hiện tượng hình thành các nhóm nhỏ

Cơ cấu không chính thức làm nảy sinh các nhóm nhỏ không chính thức (nôm na là các nhóm cảm tình lẻ, chơi lẻ với nhau). Tập thể nào cũng có những nhóm như vậy, các nhóm viên gắn bó keo sơn với nhau. Phổ biến là gồm 2, 3 người, đôi khi có 4 người và rất ít khi vượt quá 7 người. Mục đích của các nhóm nhỏ thường vượt ra ngoài mục đích của tập thể.

Có ba loại nhóm nhỏ:

- Nhóm nhỏ mở có mục đích tích cực, chẳng hạn, nhóm những người thích cải tiến kỹ thuật, nhóm những người thích hoạt động xã hội v.v... Loại nhóm này giúp cho tập thể thêm đa dạng, phong phú, thường là có lợi cho tập thể. Nên khuyến khích và động viên những nhóm này.
- Nhóm nhỏ kín có mục đích tiêu cực, phản lại tập thể, chẳng hạn, nhóm những kẻ ăn cắp tài sản tập thể, nhóm những kẻ hay bỏ việc đi uống rượu, nhóm những kẻ tìm cách nói xấu và lật đổ cán bộ v.v... Loại nhóm này gây rắc rối, mất đoàn kết dẫn tới phá vỡ tập thể.
- Nhóm trung gian là nhóm người được hình thành do tình cảm riêng tư, có tính chất sinh hoạt, chẳng hạn, nhóm bạn thân, nhóm những người nghiện thuốc lào, nhóm những người thích đi

picnic... Nhóm trung gian này có thể biến đổi thành nhóm mở hay nhóm kín.

7 kỹ năng cơ bản để làm việc nhóm một cách hiệu quả: của các thành viên trong nhóm

- **Lắng nghe:** Đây là một trong những kỹ năng quan trọng nhất. Các thành viên trong nhóm phải biết lắng nghe ý kiến của nhau. Kỹ năng này phản ánh sự tôn trọng (hay xây dựng) ý kiến giữa các thành viên.
- **Chất vấn:** Qua cách thức mỗi người đặt câu hỏi, chúng ta có thể nhận biết mức độ tác động lẫn nhau, khả năng thảo luận, đưa ra vấn đề cho các thành viên khác của họ.
- **Thuyết phục:** Các thành viên phải trao đổi, suy xét những ý tưởng đã đưa ra. Đồng thời họ cần biết tự bảo vệ và thuyết phục người khác đồng tình với ý kiến của mình.
- **Tôn trọng:** Mỗi thành viên trong nhóm phải tôn trọng ý kiến của những người khác thể hiện qua việc động viên, hỗ trợ nhau, nỗ lực biến chúng thành hiện thực.
- **Trợ giúp:** Các thành viên phải biết giúp đỡ nhau.
- **Sẻ chia:** Các thành viên đưa ra ý kiến và tường thuật cách họ nghĩ ra nó cho nhau.
- **Chung sức:** Mỗi thành viên phải đóng góp trí lực cùng nhau thực hiện kế hoạch đã đề ra.

Hiện tượng hình thành thủ lĩnh

Thủ lĩnh là người nổi bật lên, có uy tín nhất trong nhóm, có khả năng thuyết phục và ảnh hưởng tới các thành viên khác không bằng con đường chính thức. Khác với thủ trưởng là người được bầu hay bổ nhiệm một cách chính thức, có quyền hạn và trách nhiệm được ghi trong văn bản chính thức, thủ lĩnh thì nổi lên bằng con đường tự phát do uy tín cá nhân của mình.

Người ta chia thủ lĩnh thành: thủ lĩnh công việc và thủ lĩnh tinh thần, thủ lĩnh tích cực và thủ lĩnh tiêu cực, thủ lĩnh vận năng và thủ lĩnh tình huống, thủ lĩnh công khai và thủ lĩnh ẩn tàng...

Hiện tượng hình thành các lực lượng

Trong tập thể có thể nổi lên bốn loại lực lượng sau đây:

- Lực lượng nòng cốt: tập hợp từ những thủ lĩnh tích cực.
- Lực lượng chống đối: bao gồm những thủ lĩnh tiêu cực.
- Lực lượng cơ hội: bao gồm những kẻ ranh mãnh, cơ hội.
- Lực lượng an phận: bao gồm những người yếu đuối, ngại va chạm, ngại giao tiếp. Họ thường khó hòa nhập được với tập thể, tách rời tập thể không có một vai trò gì rõ rệt.

Để phát hiện những hiện tượng không chính thức trong tập thể chúng ta có thể sử dụng phương pháp trắc lượng xã hội (các bạn có thể tham khảo phương pháp này trong giáo trình).

Tóm lại, trong hoạt động quản trị, cần phải quan tâm tới cơ cấu của tập thể, nhất là cơ cấu không chính thức, phải phối hợp hài hòa cả hai loại cơ cấu chính thức và không chính thức. Quản trị gia cần tìm hiểu kỹ các nhóm nhỏ không chính thức trong tập thể mình, nắm rõ nội dung và tính chất hoạt động của chúng. Phải phát hiện ra thủ lĩnh của nhóm, để thông qua họ tác động đến nhóm. Cần nhận ra được những thủ lĩnh tích cực, thủ lĩnh vạn năng, có tay nghề giỏi để đào tạo, bồi dưỡng họ trở thành thủ trưởng. Nhà quản trị cũng cần phải phấn đấu, rèn luyện để trở thành thủ lĩnh, biết tác động đến các nhóm không chính thức làm cho hoạt động của chúng phục vụ mục đích chung của tập thể.

